



Phồn vinh cùng đất nước

Báo cáo
thường niên **2011**
ANNUAL REPORT

Mục lục

Thông điệp của Hội đồng quản trị	Trang 01
Tổng quan về Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất Việt Hàn	Trang 02
Báo cáo của Hội đồng quản trị	Trang 07
Báo cáo của Ban giám đốc	Trang 10
Báo cáo Tài chính kiểm toán	Trang 22
Thông tin dành cho Cổ đông	Trang 47



● *Thông điệp*
Hội đồng quản trị



THÔNGIỆP CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Kính thưa Quý vị,

Thay mặt Hội đồng quản trị VHG, tôi chân thành cảm ơn sự gắn bó, thông cảm và ủng hộ của các Cổ đông, Nhà đầu tư thời gian qua.

Năm 2011 qua đi, để lại cho cộng đồng doanh nghiệp nhiều suy tư và hụt hẫng. Các doanh nghiệp tiếp tục bị ảnh hưởng nặng nề của lạm phát, sức tiêu thụ hàng hóa giảm mạnh, thị trường bất động sản suy giảm, lãi suất tiền vay cùng nhiều chi phí đầu vào tăng cao, khó khăn trong việc tiếp cận nguồn vốn và thị trường cạnh tranh gay gắt... Các yếu tố đó đã và đang bào mòn ý chí, nhiệt huyết và niềm tin của các doanh nghiệp trong các năm qua.

Năm qua, toàn thể nhân viên VHG đã kiên cường phấn đấu thực hiện mục tiêu với rất nhiều giải pháp để ứng phó với những khó khăn thách thức như: sắp xếp và tinh giảm lao động, quản trị chi phí chặt chẽ hiệu quả, tăng cường công tác thu hồi nợ và thúc đẩy vòng quay vốn lưu động, tạm ngưng việc triển khai thực hiện các dự án đầu tư... Tuy nhiên kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh 2011 đã không đáp ứng được sự kỳ vọng của các cổ đông. Thay mặt cho Hội đồng quản trị và Ban giám đốc điều hành tôi xin gửi lời xin lỗi đến Quý vị cổ đông và kêu gọi sự ủng hộ sát cánh cùng Công ty trên con đường phát triển đặc biệt là trong bối cảnh khó khăn hiện nay.

Thưa Quý vị, tình hình sản xuất kinh doanh năm 2012 được dự báo sẽ còn khó khăn hơn năm 2011 do ảnh hưởng của kinh tế toàn cầu và rong nước vẫn trong đà suy giảm, khả năng tiếp cận tín dụng rất khó khăn, nhưng bằng các hành động quyết liệt, cụ thể, VHG sẽ quyết tâm ổn định và trụ vững thông qua:

- Thanh lý toàn bộ tài sản xấu như vật tư tồn kho, nhà xưởng trang thiết bị nhà máy cấp đồng, để thu hồi vốn đầu tư cho các nhà máy khác.
- Tạm dừng việc triển khai thực hiện các dự án bất động sản, chờ đợi thời cơ thuận lợi để triển khai, tìm kiếm đối tác hợp tác hoặc chuyển nhượng dự án.
- Tập trung các nguồn lực phù hợp để phát triển dự án trồng cây cao su.
- Tăng cường công tác công tác quản trị nội bộ để gia tăng hiệu quả: tinh giảm nhân sự, kiểm soát chặt chẽ chi phí, kế hoạch sản xuất kinh doanh linh hoạt theo sự biến động của thị trường, bảo toàn vốn, giảm thiểu chi phí tài chính, tăng cường công tác thu nợ.

Những khó khăn thách thức với các cung bậc thăng trầm đã được trải nghiệm trong suốt quá trình hình thành phát triển doanh nghiệp đặc biệt trong giai đoạn 2006-2011, chúng tôi đủ tự tin để tiếp tục chèo lái Công ty vượt qua khó khăn và phát triển theo định hướng đã lựa chọn. Sự đồng lòng tâm huyết của quý vị cổ đông và nhiệt huyết của Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và toàn thể nhân viên VHG sẽ là sức mạnh giúp con thuyền VHG trụ vững, vượt qua khó khăn thách thức để chinh phục mục tiêu TỐI ĐA HÓA GIÁ TRỊ CÔNG TY , TỐI ĐA LỢI ÍCH CỦA CÁC CỔ ĐÔNG.

Thay mặt Hội đồng quản trị kính chúc Quý vị cổ đông sức khỏe, may mắn và thành công.

Quảng Nam, ngày 15 tháng 03 năm 2012
TM.Hội đồng quản trị



Đình Công Trọng/Chủ tịch





Tổng quan

Công ty CP Đầu tư & Sản xuất

Việt Hàn - VHG

TỔNG QUAN VỀ VHG

Tên tiếng Việt	: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ & SẢN XUẤT VIỆT-HÀN
Tên tiếng Anh	: VIET-HAN CORPORATION
Địa chỉ	: Lô 04, 05 KCN Điện Nam-Điện Ngọc, Điện Bàn, Quảng Nam
Điện thoại	: 84-510-3946345 Fax: 84-510-3946333
Email	: trade@vhg.com.vn
Website	: www.vhg.com.vn
Văn phòng Đà Nẵng	: 01 Lê Duẩn, Tp.Đà Nẵng
Điện thoại	: 84-511-3647666 Fax: 84-511-3647333
Vốn điều lệ	: 250.000.000.000 đồng (Hai trăm năm mươi tỷ đồng)
Niêm yết cổ phiếu tại Sở giao dịch Chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh	
Tên cổ phiếu	: Cổ phiếu Công ty cổ phần Đầu tư & Sản xuất Việt-Hàn
Mệnh giá	: 10.000 đồng/cổ phiếu
Mã chứng khoán	: VHG
Số lượng cổ phiếu đăng ký niêm yết:	25.000.000 (Hai mươi lăm triệu cổ phiếu)
Trong năm 2009, VHG đã đăng ký sửa đổi bổ sung Giấy đăng ký kinh doanh lần thứ 8 và được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Nam cấp ngày 11/05/2009	

Ngành nghề kinh doanh chính

- Sản xuất cáp viễn thông: sợi đồng, sợi quang học, truyền dữ liệu...
- Sản xuất dây và cáp điện
- Sản xuất các sản phẩm nhựa công nghiệp và dân dụng
- Sản xuất các sản phẩm từ sợi thủy tinh
- Sản xuất vật liệu xây dựng
- Khai thác, chế biến quặng đồng, các khoáng sản
- Đầu tư hạ tầng giao thông, phát điện, khu công nghiệp, bất động sản
- Trồng cây công nghiệp

LỊCH SỬ HOẠT ĐỘNG

Ngày 14/07/2003 Công ty cổ phần Đầu tư & Sản xuất Việt-Hàn (VHG) được thành lập

Ngày 28/01/2008 Cổ phiếu VHG thức giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán TP Hồ Chí Minh

- **Năm 2004:** Sản phẩm cáp đồng với thương hiệu VIET-HAN CABLE được OEM từ Hàn quốc có mặt tại thị trường VN.
- **Năm 2005:** Tháng 09/2005, xuất lô hàng cáp viễn thông đầu tiên
- **Năm 2006:** Sản xuất cáp viễn thông có dung lượng 2.400 đôi, trở thành nhà sản xuất cáp có dung lượng lớn nhất Việt Nam
- **Năm 2007:**
 - Nhà máy cáp viễn thông đạt công suất 3.000.000 km đôi/năm
 - Khánh thành giai đoạn 1 nhà máy dây và cáp điện (VPC)
 - Khánh thành nhà máy cáp quang (OFC)
 - Mua lại Công ty cổ phần nhựa Việt-Hàn, đầu tư NM sản xuất các sản phẩm từ cốt sợi thủy tinh.

Indochina Capital trở thành nhà đầu tiên chiến lược và Vinacapital là cổ đông lớn của VHG
PhonVinh Corp và Handic hợp tác toàn diện với VHG
VNR-Top 500 Company xếp VHG nằm trong Top 500 DNTN lớn nhất Việt Nam

- **Năm 2008**

Tháng 03/2008: Khánh thành nhà máy sản xuất sản phẩm từ cốt sợi thủy tinh FRP
Tháng 04/2008: Đầu tư nhà máy công nghệ vật liệu tại Quảng Nam (VMC)
Tháng 05/2008: Hoàn tất dự án đầu tư giai đoạn 2 cho Nhà máy VPC và VPF
Tháng 11/2008: Triển khai dự án trồng 4.115 ha cao su tại Quảng Nam
Tháng 12/2008: Sở hữu đất dự án cao ốc tại 09 Lê Duẩn, 02 Yên Bái, Tp.Đà Nẵng
VNR-Top 500 Company tiếp tục xếp VHG nằm trong Top 500 DNTN lớn nhất Việt Nam

- **Năm 2009**

Tháng 05/2009: Khánh thành nhà máy sản xuất vật liệu (VMC) có công suất 80 triệu sản phẩm/năm
Tháng 10/2009: UBND Tp Đà Nẵng quyết định phê duyệt QH 1:500 cho dự án D'everlyn tower.
Tháng 11/2009: Sản xuất thành công sản phẩm FRP có đường kính trên 4m, dung tích 150m3

- **Năm 2010**

Tháng 02/2010: Thay đổi chiến lược phát triển của VHG một cách cơ bản, theo đó thống nhất xây dựng VHG phát triển xoay quanh trục ngành nghề với thứ tự ưu tiên là Bất động sản, hạ tầng công nghiệp dịch vụ - Trồng và chế biến cao su - Sản xuất vật liệu xây dựng cơ bản - Đầu tư khai thác chế biến kim loại màu..

Tháng 06/2010: Nghiên cứu mở rộng thêm 9.000ha trồng cây cao su tại tỉnh Quảng Nam

Tháng 09/2010: Triển khai các hạng mục thí nghiệm để hoàn chỉnh TKKTTC và chuẩn bị cho việc khởi công cao ốc D'everlyn tại 09 Lê Duẩn Tp Đà Nẵng

Tháng 11/2010: chia tách nhà máy nhựa và sản xuất các sản phẩm từ cốt sợi thủy tinh (VPF) thành hai nhà máy (1) Nhà máy vật liệu Composit VCC (2) Nhà máy ống nhựa VPP; nhằm tập trung cho sự phát triển chiều sâu của 2 dòng sản phẩm này.

Tháng 12/2010: Đầu tư vào dự án bất động sản nghỉ dưỡng khu vực biển Non nước (Đà Nẵng - Quảng Nam) với quy mô 5,2 ha

- **Năm 2011**

Tháng 1/2011: Hoàn thành đầu tư nâng cấp mở rộng nhà máy composite.

Tháng 07/2011: VHG được cấp phép đầu tư mở rộng dự án trồng và chế biến cao su tại Đông Giang tỉnh Quảng Nam từ 4.115 ha lên 13.300 ha.

Tháng 08/2011: Công ty Quê Việt Quảng Nam – Công ty con của VHG được cấp phép đầu tư khu nghỉ dưỡng biển cao cấp tại khu vực Non Nước – Hội An trên diện tích 5,3 ha.

TÂM NHÌN

Trở thành Công ty hoạt động đầu tư và sản xuất đa ngành hàng đầu tại khu vực miền Trung Việt Nam, với chiến lược phát triển tập trung vào các lĩnh vực theo thứ tự “bất động sản-hạ tầng, trồng cây cao su, sản xuất vật liệu xây dựng cơ bản”

SỨ MỆNH

Khởi tạo với đam mê, đối diện trực tiếp với thử thách, hòa quyện nguồn nhân lực, công nghệ, tiềm năng để tạo ra các sản phẩm và dịch vụ hoàn hảo mang lại giá trị đích thực, “phồn vinh cùng đất nước”

TRIẾT LÝ KINH DOANH

- Lấy khách hàng làm trung tâm cho sự đổi mới và sáng tạo
- Lấy xã hội làm nền tảng cho sự phát triển.
- Lấy nhân viên là trụ cột cho đại gia đình VHG.

NGUYÊN TẮC KINH DOANH

- Tuân thủ luật pháp và các chuẩn mực về đạo đức
- Tôn trọng khách hàng, các cổ đông và nhân viên của mình
- Duy trì bản sắc văn hóa tổ chức trong sạch
- Quan tâm đến môi trường, sức khỏe và an toàn
- Là một doanh nghiệp có trách nhiệm xã hội

TRIẾT LÝ THƯƠNG HIỆU

"Phồn vinh cùng đất nước"

- Luôn đột phá, đi đầu, tiên phong.
- Liên tục cải tiến.
- Quan tâm đến khách hàng như những cá thể riêng biệt.
- Làm việc và tư duy có tình cảm, hoạt động có trách nhiệm xã hội.
- Trung thực với khách hàng, chân thành với đồng nghiệp.

QUAN ĐIỂM PHÁT TRIỂN

- Lấy con người làm yếu tố cốt lõi
- Đầu tư vào các dự án bất động sản- hạ tầng, trồng cây cao su, khai thác và chế biến khoáng sản, sản xuất vật liệu xây dựng
- Nhạy bén và linh hoạt trong quản trị chiến lược để thích ứng với môi trường kinh doanh nhằm duy trì sự phát triển tăng trưởng nhanh, liên tục và ổn định
- Kinh doanh định hướng khách hàng

GIÁ TRỊ CỐT LÕI

Giá trị cốt lõi của VHG là các giá trị bền vững làm nên thành công và quy định tính chất nổi trội của thương hiệu VHG, được hình thành qua những ngày tháng gian khổ đầu tiên của công ty, được xây dựng từ những kinh nghiệm và học hỏi, tôi luyện qua những thử thách trong suốt quá trình phát triển.

VHG cho rằng sống bằng các giá trị vững chắc chính là chìa khóa kinh doanh thành công. Tại VHG, một quy tắc ứng xử nghiêm chỉnh và những giá trị cốt lõi này là trọng tâm cho mọi quyết định của chúng tôi:

Đoàn kết

Tất cả mọi người đều quan trọng. Sức mạnh của VHG được tạo ra từ sự kết hợp, bổ sung giữa các cá nhân với năng lực và cá tính riêng biệt, giữa các đơn vị thành viên với các chiến lược phát triển và ưu thế khác nhau.

Sáng tạo

Mọi thứ chúng tôi làm tại VHG được chi phối bởi một niềm say mê xây dựng thành công vượt trội - và sự cống hiến không ngừng trong việc phát triển các sản phẩm và dịch vụ.

Trung thực

Giá trị nền tảng quan trọng đối với mỗi nhân viên và lãnh đạo của VHG là sự trung thực và minh bạch:

- Rõ ràng minh bạch, tính đúng đắn trong quản lý kinh doanh, truyền thông, nhân viên, nhà nước...
- Liêm chính trong quan hệ nội bộ và quan hệ với bên ngoài

Cùng thịnh vượng

Mọi người cùng làm việc sẽ đạt được thành quả cao hơn. VHG chỉ có thể được gọi là thành công khi có thể mang lại sự thịnh vượng và cơ hội cho người khác. VHG luôn phấn đấu là một công ty có trách nhiệm về mặt xã hội và môi trường

GIẢI PHÁP HÀNH ĐỘNG

Tổ chức công ty mềm dẻo, linh hoạt như của một công ty nhỏ, có sức mạnh của một công ty lớn khi cần thiết

Thiết lập liên minh chiến lược trên cơ sở Win-Win

Tập trung và phải trở thành một công ty tiên phong trong lĩnh vực kinh doanh đã lựa chọn

VHG nhất định phải được xây dựng và phát triển trên 3 trụ cột: Nhân sự - Công nghệ - Tài chính

MỤC TIÊU HÀNH ĐỘNG

Tăng trưởng dựa trên quy mô và nền tảng vững chắc

Không ngừng nâng cao hình ảnh thương hiệu

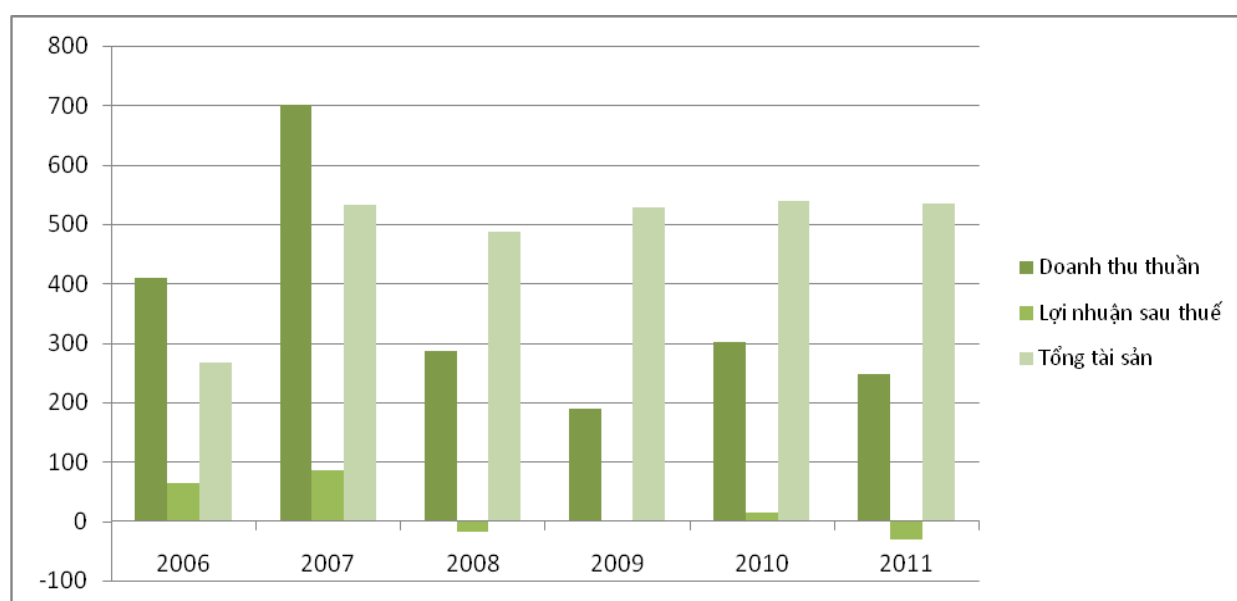
Xây dựng nguồn nhân lực chuyên nghiệp

Mở rộng mạng lưới phân phối sâu rộng

SỐ LIỆU THỐNG KÊ

ĐVT: triệu đồng

Chỉ tiêu	2006	2007	2008	2009	2010	2011
Doanh thu thuần	410.22	700.48	287.377	189.038	301.551	247.273
Lợi nhuận sau thuế	63.437	86.303	(17.418)	1.984	14.797	(30.570)
Tổng tài sản	267.95	531.99	486.971	527.591	539.869	533.912
Vốn điều lệ	40.000	250.000	250.000	250.000	250.000	250.000
Vốn chủ sở hữu	84.086	514.12	439.297	438.164	453.384	395.043
Lãi cơ bản/cổ phiếu (đồng)	45.158	4.441	(697)	80	592	(1.223)



CÁC SỰ KIỆN NỔI BẬT CỦA VHG NĂM 2011

- Tháng 01/2011: Dự án đầu tư nâng cấp thiết bị cho nhà máy composite được hoàn thành và VHG triển khai dự án cung ứng trên 10 km đường ống composite cho dự án cấp nước Cam Ranh – Khánh Hòa. Đây là sản phẩm mới và được sản xuất hàng loạt trên dây chuyền hiện đại.
- Tháng 07/2011: Sự kiện sinh hoạt lớn với nhiều hoạt động văn hóa, nghệ thuật, thể thao... đã thúc đẩy tinh thần đồng đội, đoàn kết giữa 600 CBCNV mừng sinh nhật lần thứ 8 của VHG. Cùng thời gian diễn ra sự kiện và suốt trong năm là hoạt động đóng góp xây dựng quỹ vòng tay nhân ái VHG, từ thiện xã hội...
- Tháng 07/2011: VHG được cấp phép đầu tư mở rộng dự án trồng và chế biến cao su tại Đông Giang tỉnh Quảng Nam từ 4.115 ha lên 13.300 ha. Đây là dự án chiến lược dài hạn được VHG ưu tiên đầu tư trong giai đoạn 2010-2020.
- Tháng 08/2011: Công ty Quê Việt Quảng Nam – Công ty con của VHG được cấp phép đầu tư khu nghỉ dưỡng biển cao cấp tại khu vực Non Nước – Hội An trên diện tích 5,3 ha.
- Tháng 10/2011: VHG cung cấp cáp quang cho dự án đường trục Bắc Nam của FPT với hơn 950km, khẳng định chất lượng sản phẩm và uy tín thương hiệu.
- Tháng 11/2011: Triển khai nghiên cứu phát triển khu nghỉ dưỡng sinh thái làng nghề tại khu vực Hội An-Điện Bàn tỉnh Quảng Nam có quy mô trên 40 ha.
- Tháng 12/2011: VHG vinh dự nhận giải thưởng Bạc – Giải thưởng chất lượng Quốc gia Việt Nam. Chiến lược phát triển thương hiệu VHG đang đi đúng hướng và có lộ trình. coi trọng hoạt động thương hiệu, cam kết bảo vệ môi trường, phúc lợi nhân viên và quan tâm đến cộng đồng xã hội.



Báo cáo của
Hội đồng quản trị

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Môi trường kinh doanh

2011 là năm sóng gió đối với nền kinh tế của Việt Nam. Chính sách thắt chặt tiền tệ quá lớn, doanh nghiệp rất khó khăn tiếp cận được nguồn vốn và thanh khoản của ngân hàng suy giảm mạnh; tỷ giá ngoại tệ biến động mạnh dẫn đến chi phí hàng nguyên liệu nhập khẩu tăng cao. Tất cả các yếu tố trên là sức ép, thách thức to lớn của VHG cũng như các doanh nghiệp khi thị trường tiêu thụ suy giảm mạnh, khó khăn về nguồn vốn tài trợ để thực hiện các dự án đầu tư.

Chiến lược kinh doanh

VHG kiên định theo đuổi chiến lược kinh doanh là “Tập trung phát triển lĩnh vực bất động sản, hạ tầng công nghiệp dịch vụ, trồng và chế biến cao su; Tiếp tục ổn định và phát triển lĩnh vực sản xuất chuyên ngành vật liệu xây dựng cơ bản; Tìm kiếm cơ hội hợp tác đầu tư trong lĩnh vực tài chính và khoáng sản”. Tuy nhiên trước tình hình khó khăn trong bối cảnh nền kinh tế Việt Nam hiện nay và những dự báo cho các năm đến thì VHG sẽ chủ động và linh hoạt trong các giải pháp triển khai thực hiện danh mục đầu tư phù hợp.

Những nét chính trong kết quả hoạt động

Các ngành hàng sản xuất của VHG trong năm 2011 đã có sự biến chuyển rất tích cực về thị trường, và chất lượng

- Cấp quang của VHG nằm trong top 3 nhà sản xuất tốt nhất của Việt Nam.
- Cấp điện đã giữ vững được sự tăng trưởng tốt về doanh số và thị trường tiêu thụ.
- Sản phẩm ống nhựa uPVC khẳng định được uy tín và chất lượng tại thị trường miền Trung và Tây nguyên.
- Ống nhựa luồn cáp viễn thông tăng trưởng rất tốt trong năm vừa qua. VHG cũng là nhà cung ứng sản phẩm này với số lượng lớn cho Tập đoàn Viettel.
- Sản phẩm sản xuất từ cốt sợi thủy tinh đã có sự tăng trưởng vượt bậc so với các năm trước về sản lượng, doanh số, thị trường, cũng như chủng loại sản phẩm. Đã thành công trong việc lần đầu tiên cung cấp sản phẩm là ống cấp nước và phụ kiện FRP cho công trình cấp nước có quy mô lớn tại Cam Ranh (Khánh Hòa).

Tổng kết năm 2011, VHG đạt gần 250 tỷ doanh thu, thua lỗ 30 tỷ trong đó hoạt động thanh lý tài sản, vật tư, dự phòng các khoản phải thu và chứng khoán, chi phí tài chính cho hoạt động đầu tư khi vốn tài trợ dài hạn thiếu hụt, khấu hao nhà máy cáp đồng trong khi dừng sản xuất... Kết quả này đã thể hiện những khó khăn, rủi ro từ môi trường kinh doanh mà VHG đang phải chống chọi nhưng khẳng định sự quyết liệt của VHG trong việc thực hiện cấu trúc lại toàn diện Công ty, đưa VHG phát triển theo định hướng mới giai đoạn 2010-2015.

Những thay đổi chủ yếu và các sự kiện tiêu biểu

Năm 2011, VHG đã dồn sức cho mục tiêu tái cấu trúc toàn diện với chiến lược phát triển Công ty theo định hướng trong giai đoạn 2010-2015 đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên 2011 phê duyệt.

Sắp xếp hợp lý tổ chức, tinh giảm nhân sự trong toàn Công ty. Sáp nhập nhà máy nhựa và dây cáp điện nhằm tận dụng được hệ thống bán hàng để thúc đẩy doanh số. Các nhà máy sản xuất được tập trung phát triển chiều sâu trên cơ sở loại bỏ các sản phẩm không lợi thế, tập trung đầu tư phát triển thị trường trọng tâm, đẩy mạnh việc quảng bá thương hiệu các sản phẩm của VHG.

Tăng cường quản trị nội bộ, gia tăng các biện pháp giải pháp tiết kiệm chi phí quản lý, kiểm soát định mức sản xuất cho từng đơn hàng, từng danh mục sản phẩm. Rà soát đánh giá từng nhóm sản phẩm để có định hướng đầu tư phát triển phù hợp.

Tăng cường công tác thu hồi nợ và áp dụng các biện pháp cứng rắn xử lý dứt điểm các khoản nợ dây dưa.

VHG đã hoàn thiện hệ thống quản lý chất lượng theo chuẩn ISO 9001: 2008 cho các nhà máy, dự án mới và tiếp tục xây dựng văn hóa VHG



Kế hoạch trung hạn cho giai đoạn 2012-2016

Khó khăn và bất ổn do ảnh hưởng của suy thoái kinh tế toàn cầu và thay đổi trong môi trường vĩ mô sẽ tiếp tục tác động trong thời gian dài sắp đến. VHG xây dựng định hướng và mục tiêu kinh doanh trong giai đoạn đến xoay quanh trục ngành nghề theo thứ tự ưu tiên phát triển: *bất động sản, hạ tầng công nghiệp dịch vụ - cây cao su - sản xuất chuyên ngành vật liệu xây dựng cơ bản*, trong đó:

- Về lĩnh vực bất động sản, đầu tư hạ tầng: xác lập vùng dự án và phát triển thị trường tập trung vào các tỉnh duyên hải miền Trung với loại hình bất động sản nghỉ dưỡng ven biển, khu đô thị dân cư có quy mô vừa và công nghiệp dịch vụ. Tiếp tục triển khai các dự án hợp tác liên kết với các đối tác tại khu vực Hà Nội.
- Về lĩnh vực trồng cây cao su: tiếp tục hoàn chỉnh dự án giai đoạn 1 cho diện tích 4.115 ha và triển khai dự án giai đoạn 2 với quy mô 9.100 ha. Tiến đến thành lập Công ty con trong thời điểm thích hợp.
- Về lĩnh vực khoáng sản: triển khai thận trọng để tránh rủi ro và trình đầu tư chính thức trong giai đoạn thích hợp sau năm 2013.
- Về lĩnh vực sản xuất: duy trì ổn định phát triển sản xuất kinh doanh bốn nhóm ngành hiện tại: cáp quang; dây và cáp điện; nhựa; các sản phẩm từ cốt sợi thủy tinh và vật liệu xây dựng. Các nhóm ngành sản xuất bước đầu đã ổn định, VHG sẽ tiếp tục gia tăng hiệu quả các ngành sản xuất này để đảm bảo cho sự ổn định và phát triển của công ty trong ngắn hạn, và một phần tài trợ cho các dự án trung và dài hạn của công ty.

Các căn cứ để đảm bảo thực hiện mục tiêu 2012-2016

VHG tiếp tục hoàn thiện mục tiêu cấu trúc lại Công ty, các lĩnh vực sản xuất đầu tư ngày càng được củng cố và hoàn thiện, đảm bảo đủ nguồn lực để hoàn thành các mục tiêu đề ra, trong đó:

- Ngắn hạn: nâng cao hơn nữa hiệu quả các hoạt động sản xuất kinh doanh sản phẩm từ các nhà máy cáp quang, nhà máy dây và cáp điện, nhà máy công nghệ vật liệu, nhà máy nhựa và FRP, các hoạt động đầu tư tài chính, thương mại.
- Trung hạn: nguồn thu các dự án về bất động sản, các dự án đầu tư góp vốn liên doanh liên kết.
- Dài hạn: nguồn thu từ dự án trồng và chế biến mủ cao su.

Những mục tiêu chính cho năm kế hoạch 2012

- Cơ cấu lại nguồn tài chính, giảm tài sản đầu tư để tạo lượng tiền mặt đảm bảo theo danh mục đầu tư trung và dài hạn phù hợp, giảm áp lực tài chính.
- Thanh lý tài sản, vật tư nhà máy cáp đồng đã ngừng sản xuất trong 3 năm qua với giá hợp lý, giảm thiểu thua lỗ để thu hồi vốn bổ sung cho hoạt động của Công ty.
- Về bất động sản và đầu tư hạ tầng: chuyển nhượng dự án D'Evelyn Tower tại Đà Nẵng. Thực hiện chuyển nhượng hoặc hợp tác liên kết triển khai dự án nghỉ dưỡng biển D'Evelyn Beach tại khu vực Non Nước-Hội An. Triển khai nghiên cứu và thực hiện các dự án có quy mô nhỏ và vừa tại các khu vực thị tứ, các dự án nhà ở cho thuê thuộc tỉnh Quảng Nam. Nghiên cứu chuyển đổi chức năng cụm công nghiệp đô thị An Lưu (Quảng Nam) sang khu du lịch nghỉ dưỡng làng nghề. Tiếp tục triển khai các dự án liên kết tại Hà Nội.
- Về trồng cây cao su: triển khai giải phóng mặt bằng từ 1.000 - 1.500 ha đất và trồng mới 700 - 1.000 ha của giai đoạn 1, quy hoạch và xác lập hoàn thiện các thủ tục theo quy trình cho vùng dự án mở rộng thêm 9.100 ha giai đoạn 2.
- Về lĩnh vực sản xuất: duy trì ổn định và gia tăng tối đa hiệu quả năng lực sản xuất của các nhà máy hiện có. Đầu tư mạnh cho thực thi chiến lược nâng cao hình ảnh thương hiệu VHG, song song với việc đầu tư phát triển hệ thống phân phối sâu rộng cho các nhóm sản phẩm; tăng cường sự liên kết hỗ trợ tận dụng các kênh phân phối của các nhóm sản phẩm để gia tăng doanh số và phát triển thương hiệu.



- Về lĩnh vực khai thác chế biến khoáng sản: tạm ngưng đầu tư chính thức, tiếp tục nghiên cứu triển khai trọng các vùng khoáng sản khác có quy mô vừa tại Bolivia.
- Năm 2012 tiếp tục tập trung thực hiện xây dựng hình ảnh VHG, nâng cao hiệu quả năng lực quản trị điều hành, quản trị sản xuất, ổn định và phát triển mạnh cho các nhà máy sản xuất hiện tại

Với sự quyết tâm cao độ của Hội Đồng Quản Trị sát cánh cùng với Ban Giám đốc điều hành công ty cam kết hoàn thành các mục tiêu chiến lược đã đề ra. Tạo được nền tảng vững chắc cho sự phát triển bền vững ổn định của VHG, bảo toàn lợi ích cho các cổ đông.

Các căn cứ để đảm bảo thực hiện mục tiêu 2012

- Hoạt động thanh lý tài sản thiết bị, chuyển nhượng các dự án, tài sản đầu tư giúp VHG cân đối lại nguồn vốn và điều chỉnh chiến lược đầu tư thích hợp. Giảm các chi phí tài chính phát sinh và áp lực nợ ngắn hạn.
- Thương hiệu của các sản phẩm đã có chỗ đứng trên thị trường, từng bước phát triển trên cơ sở hợp lý hóa sản xuất, nâng cao chất lượng sản phẩm và xây dựng hệ thống bán hàng phù hợp sẽ nâng dần hiệu quả sản xuất trong toàn Công ty.
- Nhân sự tổ chức gọn nhẹ, tinh gọn và có lòng nhiệt huyết sẽ là chỗ dựa cho thực thi các kế hoạch trong năm.
- Bên cạnh việc gia tăng các biện pháp để kiểm soát và sử dụng hiệu quả nguồn vốn hiện có, VHG xúc tiến tìm kiếm các nguồn vốn, sự hỗ trợ từ các tổ chức tín dụng và quỹ đầu tư để đảm bảo thực hiện các dự án cho mục tiêu 2012 và cho các năm tiếp theo

Các giải pháp thực hiện

- Tiếp tục hoàn thiện và hợp lý hoá công nghệ, dây chuyền thiết bị trong tổ hợp sản xuất của VHG để đảm bảo hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình sản xuất kinh doanh.
- Nâng cao hiệu quả hoạt động quản trị điều hành, quản trị sản xuất đảm bảo kiểm soát việc thực thi mục tiêu đặt ra, tăng tính cạnh tranh cho từng dòng sản phẩm bằng việc duy trì nhất quán chính sách chất lượng và giá thành hợp lý
- Triển khai thận trọng các dự án bất động sản, tận dụng tối đa những thuận lợi của thị trường.
- Phát triển toàn diện VHG trong sự liên kết và hợp tác chặt chẽ với các đối tác có chọn lọc, phát huy thế mạnh của các công ty góp vốn, các công ty là đối tác chiến lược...
- Tiếp tục kiên trì xây dựng cơ cấu tổ chức, hoàn thiện không ngừng quy trình quản lý chất lượng. Xây dựng, đào tạo nguồn nhân lực đảm bảo đáp ứng cho mục tiêu phát triển của VHG những năm đến. Liên tục củng cố, xây dựng môi trường văn hóa doanh nghiệp theo giá trị cốt lõi: đoàn kết - sáng tạo - trung thực - cùng thịnh vượng là chuẩn mực ứng xử thống nhất trong toàn VHG, tạo môi trường thân thiện hợp tác để thực sự phát huy năng lực cống hiến của từng cá nhân, đơn vị thành viên trong đại gia đình VHG.

Kết luận

VHG kiên định và kiên trì thực hiện chiến lược phát triển bền vững với mục tiêu cao nhất đó là: tạo ra giá trị mới cho xã hội, bảo toàn và đảm bảo lợi ích cao nhất cho các cổ đông và cán bộ nhân viên VHG. Mục tiêu này, Hội đồng quản trị sẽ sát cánh song hành cùng Ban Giám đốc, cùng với tinh thần đoàn kết, ý chí nỗ lực hết mình của hàng trăm lao động sẽ quyết tâm thực hiện đến cùng. VHG mong muốn nhận được sự đồng lòng ủng hộ và gắn bó lâu dài của các cổ đông cũng như các đối tác.

TM.Hội đồng quản trị



Đình Công Trạng/Chủ tịch





Báo cáo

Ban giám đốc



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

NHỮNG ĐẶC ĐIỂM CỦA MÔI TRƯỜNG KINH DOANH

Lạm phát, lãi suất cao, khó khăn về vốn, thị trường thu hẹp do giảm đầu tư công và xã hội là những áp lực lớn đối với các doanh nghiệp.

Các biến động mạnh về tỷ giá, tăng lãi suất tiền vay, giá đầu vào của các yếu tố sản xuất: nguyên vật liệu, điện nước, chi phí vận chuyển, đơn giá nhân công... làm cho giá thành sản phẩm tăng cao, ảnh hưởng đến khả năng tiêu thụ cũng như đối mặt với hàng nhái thương hiệu VHG trên thị trường bắt đầu xảy ra.

Thị trường tiền tệ không ổn định, dịch chuyển nguồn vốn đầu tư, chính sách thắt chặt tiền tệ... ảnh hưởng mạnh đến các dự án trung và dài hạn của VHG.

Những thuận lợi

Khối sản xuất VHG được đầu tư công nghệ sản xuất hiện đại, kiểm soát chặt chẽ chất lượng và luôn kiên định, nhất quán theo đuổi mục tiêu chất lượng, duy trì và phát triển hệ thống sản phẩm, dịch vụ mới hướng đến khách hàng.

Đã xây dựng được thương hiệu một số ngành hàng, đã được khách hàng lớn sử dụng qua nhiều năm.

Nguồn nhân lực trẻ, nhiệt huyết và có tay nghề.

HĐQT, Ban Tổng giám đốc có quyết tâm cải tiến hoàn thiện hệ thống quản lý và điều hành.

Những khó khăn

Các dự án trung và dài hạn của VHG đang nằm trong giai đoạn mới bắt đầu triển khai, kinh tế trong nước tăng trưởng chậm lại, thay đổi chính sách về đất, tài nguyên, môi trường, đền bù, tín dụng và tâm lý thị trường... đã ảnh hưởng mạnh đến tiến độ triển khai các dự án, đặc biệt là bất động sản.

Tính cạnh tranh trên thị trường ngày càng quyết liệt, đặc biệt về giá, mẫu mã và chất lượng, đòi hỏi phải thay đổi về công nghệ, hạ giá thành sản xuất.

Năng lực hạ tầng khu công nghiệp đặt các nhà máy sản xuất còn hạn chế: điện, giao thông, lao động... dẫn đến rủi ro và gia tăng chi phí.

Tỷ giá diễn biến bất lợi và biến động lớn về giá các loại vật tư, nguyên liệu, giá vận chuyển.

Tỷ suất lợi nhuận giảm dần do giá bán không tăng nhiều trong khi giá thành và chi phí hoạt động tăng nhanh.

Thị trường chứng khoán suy giảm mạnh, do vậy việc huy động vốn từ kênh này cũng rất khó khăn.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tài sản và nguồn vốn

Chỉ tiêu	31/12/2010 (đồng)	31/12/2011 (đồng)	Tỷ lệ %
Tài sản dài hạn	274.124.130.642	333.214.935.655	121,56
- Nguyên giá TSCĐ	295.701.718.873	368.472.750.309	124,61
- Giá trị hao mòn	86.166.530.085	105.806.196.962	122,79
- Giá trị còn lại	209.535.188.788	262.666.553.347	125,36
- Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	58.157.363.368	63.627.975.826	109,41
Tài sản ngắn hạn	265.745.291.379	200.676.228.224	75,51
Tổng tài sản	539.869.422.021	533.891.163.879	98,89
Nợ ngắn hạn	86.448.557.004	138.872.039.603	160,64
Nguồn vốn chủ sở hữu	453.384.501.372	395.019.124.276	87,13
Tổng nguồn vốn	539.869.422.021	533.891.163.879	98,89

Một số chỉ tiêu đánh giá khái quát

Chỉ tiêu	31/12/2010	31/12/2011	Tỷ lệ %
Khả năng thanh toán nhanh (lần)	0,33	0,06	18,18
Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn (lần)	3,07	1,45	47,23
Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản (%)	49,22	37,95	77,10
Tài sản dài hạn/Tổng tài sản (%)	51,78	62,05	119,83
Nợ /Tổng nguồn vốn (%)	16,02	26,01	162,36
Vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn (%)	83,98	73,99	88,10

Các số liệu tài chính đã được kiểm toán bởi Công ty Kiểm toán và Kế toán AAC- thành viên quốc tế của Polaris International (có báo cáo kiểm toán đính kèm)

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Danh mục	Vốn đầu tư của CSH (tr.đồng)	Thặng dư vốn CP (tr.đồng)	Chênh lệch tỷ giá hối đoái (đồng)	Quỹ ĐTPT (đồng)	Quỹ DPTC (đồng)	LNST chưa phân phối (đồng)
Số dư tại 31/12/2010	250.000	175.000	2.571.112.321			25.813.389.051
Số dư tại 01/01/2011	250.000	175.000	2.571.112.321			25.813.389.051
Tăng trong kỳ						(30.594.264.775)
Giảm trong kỳ			2.571.112.321			25.200.000.000
Số dư tại 31/12/2011	250.000	175.000				(29.980.875.724)

Cổ phiếu

Chỉ tiêu	31/12/2010 (cổ phiếu)	31/12/2011 (cổ phiếu)
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	25.000.000	25.000.000
<i>Cổ phiếu thường</i>	25.000.000	25.000.000
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	25.000.000	25.000.000
<i>Cổ phiếu thường</i>	25.000.000	25.000.000
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Mệnh giá cổ phiếu: 10.000VNĐ		

Biến động giá cổ phiếu trong năm

Khối lượng giao dịch cao nhất : 1.125.930
Khối lượng giao dịch thấp nhất : 11.550
Khối lượng giao dịch bình quân : 151.111
Giá cổ phiếu cao nhất : 16.00
Giá cổ phiếu thấp nhất : 3.9
Giá giao dịch bình quân : 8.45
Khối lượng giao dịch cổ phiếu VHG theo biểu đồ dưới đây:

Biểu đồ giao dịch



Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

Chỉ tiêu	31/12/2010 đồng	31/12/2011 đồng
Lợi nhuận năm trước chuyển sang	3.191.959.523	25.813.389.051
Các khoản điều chỉnh lợi nhuận năm trước		
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	14.797.928.472	(30.594.264.775)
Các khoản điều chỉnh tăng lợi nhuận năm nay	7.823.501.056	25.200.000.000
Quỹ phát triển sản xuất	200.881.676	
Quỹ dự phòng tài chính	7.622.619.380	
Phân phối lợi nhuận		-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	25.813.389.051	(29.980.875.724)

Lợi nhuận sau thuế năm 2010 được phân phối theo Nghị quyết số 01/2011/NQ-ĐHCD ngày 29/04/2011 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2011 với tỷ lệ cổ tức là 9%. Năm 2012 thua lỗ nên không có cổ tức

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH 2011

Một số chỉ tiêu cơ bản đạt được

Chỉ tiêu	31/12/2010 (đồng)	31/12/2011 (đồng)	Tỷ lệ %
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	301.551.538.257	247.753.825.815	82,16
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	57.521.686.469	24.361.626.445	42,35
Doanh thu hoạt động tài chính	5.514.220.235	4.936.536.099	89,52
Chi phí tài chính	12.897.279.205	21.637.572.916	167,77
- Chi phí lãi vay	4.088.359.563	14.766.579.001	361,19
- Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	3.959.926.400	3.907.457.600	98,68
- Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	4.593.843.121	2.948.215.494	64,18

- Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	190.184.000		
- Chi phí tài chính khác	64.966.121	15.320.821	
Chi phí bán hàng	19.113.267.801	19.321.540.811	101,09
Chi phí quản lý doanh nghiệp	14.138.190.890	17.086.717.095	120,86
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	16.887.168.808	(28.747.668.278)	
Lợi nhuận khác	20.112.800	(1.846.596.497)	
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	16.907.281.608	(30.594.264.775)	
Lợi nhuận sau thuế	14.797.928.472	(30.594.264.775)	
Lợi nhuận gộp/ Doanh thu	19,08%	9,78%	
Lợi nhuận ròng/ Doanh thu	4,91%	N.A	
ROA	2,74%	N.A	
ROE	5,92%	N.A	
EPS	592	(1.224)	

Các hoạt động sản xuất kinh doanh chính trong năm 2011 của VHG là tập trung xác lập thị trường, xây dựng thương hiệu, giải quyết công ăn việc làm, ổn định tinh thần của nhân viên trong bối cảnh cạnh tranh quyết liệt nên đã ảnh hưởng đến lợi nhuận biên khá mạnh.

- Doanh thu năm 2011 đạt 247,7 tỷ đồng, giảm 17,8% so với cùng kỳ năm trước. Tỷ lệ lợi nhuận biên giảm 57,65% do giá cả biến động mạnh, các chi phí đầu vào tăng cao, sức tiêu thụ hàng hóa giảm mạnh, nhu cầu đầu tư xây dựng cũng giảm mạnh, chi phí lãi vay tăng mạnh và thị trường cạnh tranh ngày càng gay gắt....Việc khấu hao và trích lập dự phòng hàng tồn kho nhà máy cáp đồng trong khi dừng sản xuất cũng làm giá vốn tăng cao, trong quý 4/2011, Công ty đã tiến hành thanh lý một số vật tư nhà máy cáp đồng để cấu trúc lại cơ cấu vốn và giảm chi phí lãi vay dẫn đến lỗ phát sinh trong 2011.

- Doanh thu hoạt động tài chính năm 2011 giảm 10,7% trong khi chi phí tài chính tăng 2,6 lần làm hoạt động tài chính năm 2011 lỗ 16,7 tỷ đồng tương đương tăng 126% so với năm 2010 do: Chi phí dự phòng tài chính tăng cao từ việc trích lập dự phòng đầu tư ngắn hạn của các năm trước. Khả năng thanh toán của khách hàng không tốt do ảnh hưởng của chính sách thắt chặt tiền tệ làm việc thu hồi vốn chậm, hiệu quả sử dụng vốn chưa cao. Chính sách thắt chặt tiền tệ cũng làm việc tiếp cận vốn vay dài hạn cho các dự án khó khăn nên hoạt động đầu tư dự án được tài trợ chủ yếu bằng vốn chủ, sử dụng vốn vay ngắn hạn tài trợ cho vốn lưu động làm chi phí lãi vay tăng cao

Các dự án bất động sản, trồng cây cao su đang trong giai đoạn đầu tư chưa phát sinh doanh thu và lợi nhuận nhưng phải hạch toán một số chi phí phát sinh trong quá trình thực hiện dự án theo luật định làm ảnh hưởng đến lợi nhuận. Một phần chi phí tài trợ cho dự án đầu tư dài hạn phải xoay sở bằng nguồn ngắn hạn nên không vốn hóa được tài sản đầu tư, làm chi phí tài chính tăng mạnh trong năm, phản ánh khả năng dự báo và xoay sở nguồn vốn hết sức khó khăn trong thời điểm hiện tại của VHG.

Để tài trợ các hoạt động, cắt giảm các tài sản, vật tư trong các giai đoạn trước không còn sử dụng cộng với phải trích lập khấu hao cho nhà máy cáp đồng khi đã dừng sản xuất theo quy định làm ảnh hưởng đến lợi nhuận chung trong năm.

Với kết quả 2011 như trên đã phản ánh những khó khăn mà VHG đối mặt trước sự bất ổn định vĩ mô của nền kinh tế, chính sách tài chính tín dụng của Chính phủ, thị trường suy giảm. Giá nguyên vật liệu biến động thất thường trong khi công tác quản trị vật tư không lường hết các yếu tố rủi ro. Đặc biệt khả năng tiếp cận tín dụng của các đối tác mua hàng bị hạn chế nên ảnh hưởng trầm trọng đến tiến độ thanh toán là nguyên nhân làm khó khăn tài chính và gia tăng chi phí tài chính tại VHG, ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả và khả năng cạnh tranh.

Hoàn thiện bộ máy quản trị, duy trì và cải tiến hệ thống quản lý chất lượng

Năm 2011, VHG đã liên tục đánh giá lại nguồn nhân lực, sắp xếp và cải tổ lại toàn bộ hệ thống. Hoàn thiện mô hình phân định khối sản xuất – đầu tư và khối chức năng theo hướng tinh gọn và linh hoạt. Thực hiện giao chỉ tiêu kế hoạch và đánh giá kết quả hoạt động của từng nhà máy để

có biện pháp hoạt động hiệu quả hơn. VHG đã phát triển toàn diện hệ thống ISO 9001:2008 trong tất cả các tổ chức nội bộ, áp dụng quản trị theo công nghệ thông tin hiện đại.

Hoạt động của các tổ chức đoàn thể đã phát huy và góp phần điều chỉnh hoàn thiện hệ thống tổ chức của VHG.

Nguồn nhân lực đã thay đổi mạnh trong năm, đa phần lao động đều tâm huyết, gắn bó và chia sẻ những khó khăn chung.

Thực hiện và nâng cao tính minh bạch trong mọi hoạt động

Xác định đây là giá trị cốt lõi của VHG, trong năm đã xây dựng và triển khai hệ thống quản trị hiện đại và linh hoạt, lấy giá trị “trung thực” làm trung tâm trong chuỗi giá trị: đoàn kết – sáng tạo – trung thực – cùng thịnh vượng. VHG đã tổ chức kênh thông tin thông qua website, người đại diện phát ngôn. Toàn bộ mọi hoạt động được phản ánh trung thực, cầu thị.

Nghiên cứu và phát triển thành công các sản phẩm dịch vụ mới

Tiếp nhận và bước đầu xây dựng hệ thống quy hoạch, quản lý vườn cây cao su trên nền công nghệ thông tin, cây cao su tăng trưởng tốt trên vùng dự án

Nghiên cứu và đa dạng hoá các sản phẩm từ cốt sợi thủy tinh, các loại ống cấp thoát nước có đường kính lớn độn cát, các sản phẩm phục vụ ngành hóa chất.

Nghiên cứu và hoàn thiện cải tiến quy trình sản xuất gạch ngói nhằm hạ giá thành và nâng cao chất lượng sản phẩm.

Phát triển sản phẩm cáp quang có dung lượng lớn và chất lượng cao, khả năng chống thấm, khoảng vượt lớn và ứng dụng cho đường trục thông tin quốc gia.

Tiếp tục xây dựng hệ thống nhận diện thương hiệu và mở rộng hệ thống phân phối

Năm 2011, VHG đã tập trung xây dựng hệ thống nhận diện thương hiệu, bước đầu triển khai chiến lược marketing cho giai đoạn 2010-2015. Thương hiệu VIET-HAN TILES đã có độ phủ tương đối, năng lực bán hàng đã tương đương với năng lực sản xuất. Thương hiệu VIET-HAN FRP với các sản phẩm cốt sợi thủy tinh có đường kính lớn, chất lượng cao đã bắt đầu được các nhà cung ứng dịch vụ xử lý môi trường, sản xuất thực phẩm tin dùng và khả năng phát triển về ngành hàng này rất lớn. Thương hiệu VIET-HAN PIPE bước đầu đã có chỗ đứng trên thị trường các tỉnh miền Trung và được người tiêu dùng đánh giá chất lượng tốt mặc dù sản lượng và doanh số ở mức thấp và khiêm tốn. Thương hiệu LIMAX CABLE đang trong quá trình xây dựng trên nền tảng chuyển đổi thương hiệu VIET-HAN CABLE CCA.

Trong năm qua, mặc dù còn nhiều khó khăn nhưng VHG vẫn tiếp tục duy trì các hoạt động quảng bá thương hiệu, tiếp xúc khách hàng thông qua việc quảng cáo sản phẩm trên các phương tiện thông tin đại chúng, tổ chức hội thảo, tham gia hội chợ triển lãm chuyên ngành, tham gia tài trợ các chương trình thể thao, hội thảo do các đối tác khách hàng tổ chức, các chương trình mang tính chất cộng đồng, các hoạt động từ thiện: trao tặng nhà tình nghĩa, ủng hộ quỹ người nghèo, khắc phục lũ lụt thiên tai...

Hầu hết các sản phẩm của VHG đã xây dựng được giá bán hợp lý, giao hàng đúng tiến độ theo hợp đồng. Thực hiện tốt các cam kết bảo hành sản phẩm. Khẳng định hình ảnh và thương hiệu VHG thông qua chính sách chất lượng và cam kết toàn diện vì sự hợp tác bền chặt lợi ích lâu dài đối với khách hàng.

Đã tập trung xử lý việc làm hàng giả, nhái thương hiệu của VHG trên thị trường, đến nay đã kịp thời ngăn chặn, giảm tổn thất cho Công ty, đảm bảo quyền lợi cho khách hàng và nâng cao uy tín thương hiệu.

Xúc tiến đầu tư các dự án trung và dài hạn có trọng tâm

Do tình hình thị trường có nhiều thay đổi, VHG đã cân nhắc triển khai thực hiện các dự án:

Bất động sản và hạ tầng: dự án D'EVERLYN TOWER (Đà Nẵng) tạm ngưng triển khai chờ đợi thời cơ thuận lợi hơn sau khi đã hoàn tất mọi thủ tục để khởi công dự án. Hoàn thiện thủ tục sở

hữu dự án D'EVELYN BEACH (Non Nước-Hội An) với quy hoạch xây dựng khu nghỉ dưỡng biển cung ứng cho thị trường biệt thự và căn hộ biển. Nghiên cứu chuyển đổi công năng cụm công nghiệp đô thị An Lưu sang đầu tư khu nghỉ dưỡng và du lịch làng nghề. Tiếp tục hoàn thiện thủ tục cho dự án khu G, B - Thành Công (Hà Nội). Xúc tiến các nghiên cứu đầu tư các dự án có quy mô vừa và nhỏ về khu đô thị, nhà ở cho thuê tại các khu công nghiệp, khu vực thị xã, thị trấn của các tỉnh duyên hải miền Trung.

Trồng cây cao su: đã tiến hành quy hoạch mở rộng thêm 9.100 ha giai đoạn 2 của dự án, đã được cấp phép đầu tư trong năm 2011, nâng tổng diện tích dự án trồng và chế biến cao su lên 13.300ha của VHG tại tỉnh Quảng Nam. Trong năm tập trung chăm sóc và nâng cao chất lượng vườn cây, tiến hành rà soát và đúc kết kinh nghiệm làm cơ sở cho việc triển khai đồng loạt dự án cho các năm đến. Hoàn thiện các phương án sở hữu đầu tư, phương án liên kết để đẩy nhanh tiến độ và tạo sự đồng thuận của người dân vùng dự án.

Khai thác và chế biến kim loại màu: tạm dừng đầu tư theo quy mô lớn do ảnh hưởng của yếu tố vĩ mô và điều chỉnh công nghệ tại Bolivia, tập trung hoàn thiện các thủ tục và đánh giá toàn diện lại dự án trước khi triển khai đầu tư chính thức.

Ngoài ra đã xúc tiến các thủ tục để giới thiệu các dự án đang đầu tư để gọi vốn, liên kết hoặc chuyển nhượng nếu mang lại hiệu quả cho VHG.

Danh mục triển khai đầu tư trong năm 2011

Danh mục	Kế hoạch (tr.đồng)	Thực hiện (tr.đồng)	Tỷ lệ %	Nội dung đã thực hiện
Dự án D'EVELYN TOWER - Đà Nẵng <i>Nội dung kế hoạch: thực hiện xây lắp hoàn thiện phần cọc khoan nhồi, phần ngầm và 1/3 phần thân</i>	110.000	2.590	2,35	Thanh toán các chi phí tư vấn dự án sau khi hoàn tất thủ tục cấp phép xây dựng. Dự án được thống nhất dừng triển khai trên kết quả đánh giá lại thị trường.
Dự án tổ hợp công nghiệp và dịch vụ AN LƯU - Quảng Nam <i>Nội dung kế hoạch: thực hiện san lấp và hạn tầng giai đoạn 1 cho diện tích 50ha</i>	10.000	-	-	Hoàn thiện thủ tục đền bù và triển khai nghiên cứu chuyển đổi công năng dự án cho phù hợp tình hình mới.
Dự án D'EVELYN BEACH - Non Nước <i>Nội dung kế hoạch: chi phí quyền sử dụng đất, thiết kế, san lấp mặt bằng</i>	120.000	72.980	60,82	Hoàn thiện thủ tục và thanh toán tiền sử dụng đất với Nhà nước. Thanh toán một phần chi phí quyền tham gia dự án cho đối tác cũ. Hoàn tất thủ tục đàm phán hợp đồng tư vấn phát triển dự án.
Dự án trồng cây cao su ĐÔNG GIANG - Quảng Nam <i>Nội dung kế hoạch: đền bù 1.000 -1.500 ha, trồng mới 700-800 ha; chăm sóc vườn cây các năm trước, chi phí quy hoạch một phần của dự án mở rộng thêm 9.000 ha</i>	30.000	7.150	23,83	Triển khai chăm sóc vườn cây đã đầu tư, hình thành vườn giống cho năm 2012 và tổ chức GPMB một số diện tích. Triển khai đo đạc, quy hoạch mở rộng giai đoạn 2 thêm 9.100 ha và đã được cấp phép đầu tư bổ sung.
Đầu tư bổ sung cho khối sản xuất	5.000	814	16,28	Sửa chữa lớn một số thiết bị sản xuất của các nhà máy.
Tổng cộng	275.000	83.534	30,38	

Chia sẻ trách nhiệm với cộng đồng

Với những khó khăn trong năm, tuy nhiên VHG vẫn luôn quan tâm đến các hoạt động hỗ trợ phát triển cộng đồng, đặc biệt là các vùng dự án đang triển khai. Trong đó sử dụng chính cho công tác khuyến học, xây dựng nhà tình thương, ủng hộ đồng bào bị lũ lụt và đặc biệt chia sẻ những khó khăn đối với nhân viên của VHG. Nguồn thực hiện từ sự đóng góp của nhân viên và quỹ khen thưởng phúc lợi từ các năm trước chuyển sang.

MỤC TIÊU TỔNG THỂ NĂM 2012

Nhìn nhận và đánh giá

Tình hình kinh tế năm 2012 của Việt Nam sẽ còn nhiều bất ổn, lạm phát, biến động tỷ giá ngoại tệ, tính thanh khoản và chính sách tiền tệ liên tục thay đổi sẽ ảnh hưởng rất lớn đến hiệu quả sản xuất kinh doanh cũng như hoạt động đầu tư của VHG. Chi phí sản xuất có khả năng gia tăng đột biến trong khi thị trường tiêu thụ sẽ khó khăn hơn do khả năng đầu tư và thanh toán của khách hàng, đặc biệt các khách hàng chủ chốt của VHG là các Tập đoàn, Công ty nhà nước. Nhiều doanh nghiệp cùng ngành hàng của VHG đang thừa công suất, nằm trong giai đoạn quyết định sống còn... nên sẽ làm cho thị trường ngày càng cạnh tranh gay gắt hơn, làm cho lợi nhuận chung của ngành hàng giảm mạnh.

Việc mua bán và hợp tác các dự án trung và dài hạn của VHG, đặc biệt các dự án về bất động sản sẽ gặp hết sức khó khăn do thị trường chung nên khả năng cân đối tài chính cho hoạt động trong bối cảnh tiếp cận vốn khó và chi phí vốn cao là hiện thực.

Thị trường chứng khoán chưa có dấu hiệu phục hồi, việc tiếp cận nguồn vốn trung dài hạn cũng hết sức khó khăn, lãi suất chưa giảm nên tiến độ triển khai các dự án dài hạn của VHG sẽ gặp nhiều khó khăn.

Định hướng mục tiêu 2012

Với bối cảnh kinh doanh hiện tại và các biến động khó lường từ các chính sách, việc dự báo sát đúng tình hình và xây dựng các mục tiêu, chỉ tiêu hoạt động của năm 2012 là rất khó khăn, tuy nhiên với quan điểm cần trọng nhằm duy trì hoạt động có hiệu quả với sự kiểm soát rủi ro cao, từng bước vượt qua khó khăn. VHG định hướng như sau:

- Duy trì các hoạt động sản xuất để giải quyết công ăn việc làm, bảo toàn vốn. Đặt mục tiêu ổn định cạnh tranh và phát triển thị trường cho các năm tiếp theo.
- Tập trung cân đối lại nguồn vốn chủ trong bối cảnh tiếp cận nguồn vốn khó khăn, khả năng hợp tác trên thị trường vốn hạn chế. Lượng hóa thành tiền mặt trong cơ cấu nguồn vốn chủ.
- Thực thi một chiến lược sản phẩm phù hợp để tạo thế cạnh tranh, điều chỉnh linh hoạt quy mô hoạt động theo khả năng thị trường hiện tại.
- Tiếp tục duy trì và cải tiến cơ chế hoạt động và quản lý theo hướng chuyên nghiệp và gọn nhẹ.
- Theo dõi những diễn biến của thị trường, VHG giám sát đánh giá chặt chẽ kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh của từng nhà máy, từng dòng sản phẩm linh động điều tiết để ứng phó nhanh với sự thay đổi, đồng thời sẵn sàng các biện pháp kịp thời để thúc đẩy, gia tăng doanh số, hiệu quả của từng dòng sản phẩm. Thực thi kế hoạch đầu tư thận trọng.
- Hoạt động kinh doanh trong năm 2012 không thua lỗ và hoàn thành được mục tiêu cân đối nguồn vốn chủ, tiền mặt hóa tài sản.

Các mục tiêu cơ bản của VHG trong năm 2012

Bằng mọi nỗ lực, thực thi chiến thuật linh hoạt xoay quanh trục ngành nghề đã xác lập, trong đó ưu tiên phục vụ khối sản xuất và đầu tư dự án cao su trong năm 2012 để đạt mục tiêu chính là 390 tỷ đồng doanh thu và không thua lỗ.

Cân đối lại nguồn vốn chủ, tạo lượng tiền mặt trong cơ cấu vốn đủ lớn để tìm kiếm cơ hội gia tăng lợi nhuận trong các năm tiếp theo bằng việc thanh lý vật tư, tài sản nhà máy cấp đồng đã ngừng sản xuất, thanh lý thiết bị máy móc đã hết hạn sử dụng và lạc hậu công nghệ, chuyển nhượng các dự án đã đầu tư, thu hồi công nợ dài hạn...

Khởi sản xuất ổn định và tăng cường chất lượng, tăng năng suất, hạ giá thành, triển khai các sản phẩm mới và mở rộng mạng lưới, từng bước chiếm lĩnh các phân khúc thị trường, tiến đến hạch toán độc lập. Đặc biệt phát triển mạnh sản phẩm composite cốt sợi thủy tinh ứng dụng cho ngành cấp thoát nước, thủy lợi và môi trường nhằm mang lại lợi thế về thương hiệu trong các năm đến.

Triển khai xúc tiến hoạt động thương mại, xuất khẩu các sản phẩm của VHG và các sản phẩm khác nhằm cải thiện thị trường tiêu thụ và gia tăng doanh số.

Triển khai hợp tác, chuyển nhượng các dự án bất động sản đang sở hữu để hiệu lực hóa dòng tiền, cơ cấu lại nguồn vốn, đảm bảo ổn định và cắt giảm chi phí tài chính. Phát triển bổ sung trong năm từ 1-2 dự án khu đất nền, nhà ở cho thuê.

Triển khai đền bù, giải phóng mặt bằng từ 1.000 – 1.500 ha và trồng mới từ 600 – 800 ha cao su. Tiếp tục chuẩn bị quỹ đất và các nguồn lực để đảm bảo cho năm 2013 triển khai hoàn thiện giai đoạn 1 của dự án.

Tiếp tục kiện toàn bộ máy tổ chức quản lý, xây dựng và chuẩn bị đầy đủ nguồn nhân sự cho chiến lược phát triển lâu dài.

Thực thi chiến lược quản trị, kiểm soát chặt chẽ mọi mặt để tiết kiệm chi phí, sử dụng vốn có hiệu quả, đặc biệt công tác thu hồi công nợ.

Xây dựng văn hóa doanh nghiệp, nâng cao uy tín thương hiệu VHG trên thị trường truyền thống và các lĩnh vực đang triển khai, nâng cao tính minh bạch trong mọi hoạt động của VHG.

Tiếp tục hoàn thiện hệ thống quản lý chất lượng ISO và xây dựng áp dụng cho các dự án và đơn vị mới của VHG.

Các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2012:

Danh mục	Kế hoạch (tr.đồng)	Tỷ lệ (%) 2012/2011
Doanh thu	390.000	156,0
- Sản xuất	250.000	
- Bất động sản	120.000	
- Hoạt động khác (thanh lý vật tư, thiết bị, nhà xưởng nhà máy cáp đồng và khác)	20.000	
Lợi nhuận	0	
- Sản xuất	15.000	
- Bất động sản	15.000	
- Hoạt động khác	(20.000)	
- Lập dự phòng (dự kiến)	(10.000)	

Duy trì có tăng trưởng doanh thu khối sản xuất, mang lại lợi nhuận tương đối trong khi thị trường đang cạnh tranh gay gắt, nhiều nhà máy cùng ngành đang dừng hoạt động và chi phí tài chính sử dụng vốn lưu động chưa thay đổi do chưa cân đối nguồn vốn chủ trong giai đoạn trước mắt.

Doanh thu bất động sản dự kiến thu từ chuyển nhượng một trong các dự án hiện tại. Mục đích chính là để thu hồi vốn, tập trung đầu tư cho các dự án khác trong khi đánh giá thị trường và khả năng thực hiện của dự án này chưa khả quan. Việc chuyển nhượng sẽ mang lại mức lợi nhuận không lớn do tình hình thị trường chung của khu vực.

Doanh thu hoạt động khác từ việc thanh lý vật tư, thiết bị, nhà xưởng nhà máy cáp đồng đã dừng sản xuất qua nhiều năm nhưng phải trích khấu hao (hàng năm trên 7 tỷ đồng làm ảnh hưởng mạnh đến kết quả sản xuất chung). Dự kiến hoạt động này sẽ âm (-) 20 tỷ đồng lợi nhuận do nhu cầu sử dụng thiết bị và vật tư trên thị trường là không đáng kể và nằm trong tình trạng chung hơn 10 nhà máy tại Việt Nam đang xúc tiến chào bán thanh lý.

Tóm lại, chỉ tiêu chính của hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2012 nhằm duy trì hoạt động và thu hồi tiền mặt từ các tài sản đã đầu tư qua các năm, tìm kiếm cơ hội gia tăng lợi nhuận và dành vốn đầu tư cho các dự án trọng điểm trong các năm đến.

Lĩnh vực đầu tư bất động sản và hạ tầng

Cân nhắc điều chỉnh tiến độ đầu tư, triển khai phương án hợp tác liên kết nhằm chia sẻ cơ hội, tiếp cận nguồn vốn và kinh nghiệm để các dự án đạt hiệu quả cao, cụ thể:

Tạm ngưng việc triển khai thực hiện dự án D'evelyn Tower (Đà Nẵng), tìm kiếm đối tác để chuyển nhượng dự án, thu hồi vốn đầu tư.

Triển khai hợp tác đầu tư hoặc chuyển nhượng dự án D'evelyn beach (Non Nước – Hội An) với đối tác có kinh nghiệm, cân nhắc thời điểm triển khai để dự án đạt hiệu quả cao.

Hoàn thành việc nghiên cứu và thủ tục chuyển đổi công năng của cụm công nghiệp đô thị dịch vụ An Lưu (Quảng Nam) sang đầu tư khu nghỉ dưỡng và du lịch sinh thái làng nghề.

Nghiên cứu đầu tư các dự án đất nền có quy mô nhỏ và vừa, dự án nhà ở cho thuê... tại các khu công nghiệp, khu vực thị xã, thị tứ thuộc tỉnh Quảng Nam.

Tùy theo tình hình chung, VHG sẽ chủ động điều tiết phát triển các dự án bất động sản và hạ tầng để tránh rủi ro và vẫn xác định đây là lĩnh vực quan trọng phải theo đuổi, chuẩn bị nhân sự, xây dựng các kế hoạch phát triển cho phù hợp.

Lĩnh vực trồng cây cao su

Tiếp tục phối hợp tốt với các đơn vị tư vấn, cơ quan chức năng để tiến hành đo đạc, đền bù tài sản trên đất cho dân, hoàn thành các thủ tục giao đất. Phần đầu trong năm 2012 đền bù để có quỹ đất từ 1.000 - 1.500 ha, trồng mới được 600 - 800, kết thúc năm 2012 đã chuẩn bị xong quỹ đất đến hoàn chỉnh giai đoạn 1. Triển khai các phương án liên kết, các thủ tục giải phóng mặt bằng cho giai đoạn 2 từ 1.000 – 1.500 ha. Xây dựng phương án tín dụng vốn cho dự án và chuẩn bị các bước thành lập Công ty con vào giai đoạn thích hợp.

Nghiên cứu chiều sâu để tìm cơ hội trồng thêm loài mới trong thời kỳ kiến thiết cơ bản và sản xuất công nghiệp, tạo giá trị gia tăng và ổn định lâu dài cho dự án.

Lĩnh vực khai thác và chế biến kim loại màu

Đây là lĩnh vực định hướng lâu dài của VHG. Năm 2012, tiếp tục nghiên cứu tiền khả thi việc đầu tư dự án khai thác và chế biến kim loại màu tại Bolivia. Trình phương án cuối cùng cho dự án này vào năm 2013 để Đại hội cổ đông quyết định. Trong năm 2012 sẽ không đầu tư bổ sung thêm kinh phí cho dự án này và tiến hành thu hồi một số kinh phí đã đầu tư thông qua đối tác tại vùng dự án đang nghiên cứu.

Lĩnh vực sản xuất

- **Cáp quang:** tiếp tục duy trì và nâng cao chất lượng sản phẩm, thiết kế và đưa ra thị trường các sản phẩm mới có chất lượng cao đáp ứng yêu cầu truyền dẫn chất lượng cao của mạng viễn thông hiện tại và tương lai. Tìm kiếm cơ hội xuất khẩu sản phẩm. Nghiên cứu các hình thức đầu tư BOT, BT hệ thống viễn thông để khai thác tối đa năng lực sản xuất các sản phẩm chuyên ngành viễn thông của VHG. Lĩnh vực này chú trọng khai thác tối đa công suất dây chuyền và duy trì ổn định trong khoảng thời gian 2 năm đến trước khi thị trường bão hòa và không đầu tư mở rộng.

- **Nhựa:** đầu tư mở rộng hệ thống phân phối để thúc đẩy doanh số. Gia tăng các biện pháp quản trị sản xuất để kiểm soát định mức, hạ giá thành sản phẩm, nâng cao chất lượng sản phẩm. Tập trung khai thác thị trường trọng tâm tại khu vực miền Trung và Tây nguyên để khai thác hết hiệu quả máy móc thiết bị hiện có, không đầu tư nâng năng lực sản xuất trong giai đoạn này cho dây chuyền sản xuất sản phẩm nhựa. Tập trung khai thác thị trường ống viễn thông đang có lợi thế cho khách hàng Viettel, FPT...

- **FRP:** tăng cường quảng bá và xúc tiến các dự án cấp thoát nước, dự án xử lý môi trường tại các địa phương. Phát huy những thành quả trong việc cung cấp bồn thực phẩm, ống cấp nước cho dự án Cam Ranh, nghiên cứu đề xuất các mô hình hợp tác phù hợp để triển khai các dự án cung cấp nước sạch tại các tỉnh Miền Trung, Tây Nguyên. Chú trọng các dự án lớn về thủy lợi và cấp nước theo chương trình mục tiêu quốc gia trong giai đoạn 2011-2015, các dự án dẫn nước cho các nhà máy nhiệt điện.

- **Dây và cáp điện:** Gia tăng doanh số tiêu thụ dòng dây CCA trên hệ thống phân phối đã thiết lập. Mục tiêu 2012 là đẩy mạnh tiêu thụ dòng dây điện đồng dân dụng chất lượng cao song hành là thị trường cáp điện để tận dụng và khai thác hiệu quả máy móc thiết bị. Xây dựng chiến lược vật tư phù hợp với tình hình diễn biến của thị trường, để tạo thế chủ động trong công tác đấu thầu cung cấp cáp điện lực các loại. Định hướng liên doanh liên kết với các đối tác trong nước theo hình thức liên doanh để gia tăng hiệu quả.

- **Gạch ngói:** Thay đổi cơ cấu sản phẩm sản xuất theo hướng nâng cao sản lượng sản phẩm mỏng có giá trị cao như: ngói lợp, gạch trang trí... nhằm gia tăng nhanh chóng hiệu quả sản xuất và hiệu quả đầu tư. Tiếp tục đầu tư nhằm gia tăng năng lực sản xuất các sản phẩm mỏng, vì thị trường tiêu thụ các sản phẩm này có tiềm năng rất lớn, và có thể mở rộng vào thị trường Nam Trung Bộ, Tây Nguyên và Bắc Trung Bộ. Quy hoạch nguồn nguyên liệu đảm bảo cho hoạt động của nhà máy ổn định trong 20 năm.

Tùy tình hình chung, định hướng một số nhà máy sẽ thực hiện phương án liên kết liên doanh hoặc chuyển nhượng đầu tư thích hợp, đảm bảo mang lại hiệu quả cho Công ty.

Các lĩnh vực đầu tư khác

Tham gia liên kết với các đối tác có năng lực và kinh nghiệm trong và ngoài nước để phát triển các dự án mang tính hiệu quả ổn định như hạ tầng, Nghiên cứu và đưa ra giải pháp đầu tư, liên doanh liên kết vào các lĩnh vực dài hạn, lợi nhuận ổn định như cây công nghiệp cao su, nguyên liệu giấy... Quan điểm đầu tư thận trọng không dàn trải.

Tham gia lĩnh vực thương mại, xuất khẩu các sản phẩm của VHG và các sản phẩm khác nhằm cải thiện thị trường tiêu thụ và gia tăng doanh số.

Danh mục đầu tư 2012

Để đảm bảo duy trì và tạo đà phát triển VHG trong các năm tiếp theo, ngoài việc chuyển nhượng, hợp tác phát triển các dự án đã đầu tư các năm trước, trong năm 2012 cần triển khai các danh mục đầu tư dưới đây. Tuy nhiên việc triển khai sẽ cân nhắc trên cơ sở khả năng huy động vốn và thứ tự ưu tiên triển khai. Trong đó tập trung cho dự án trọng điểm là cao su Đông Giang để cân đối hiệu quả của dòng tiền đầu tư và hợp lý hóa diện tích đầu tư. Bên cạnh đó dự án đất nền, nhà ở cho thuê thuộc các khu vực thị xã, thị tứ của Quảng Nam cũng là lợi thế khi xuất đầu tư vừa phải và khả năng thị trường tốt nhằm tạo lợi nhuận bổ sung cho kế hoạch đã xác lập.

Danh mục	Kinh phí đầu tư (tr.đồng)	Thời gian hoàn thành
Dự án khu nghỉ dưỡng và du lịch sinh thái làng nghề AN LƯU – Quảng Nam <i>Nội dung thực hiện: bổ sung chi phí san lấp mặt bằng, thủ tục quy hoạch và cấp phép đầu tư</i>	10.000	31/12/2012
Dự án D'EVELYN BEACH - Non Nước Hội An <i>Nội dung thực hiện: chi phí tư vấn thiết kế, triển khai tiểu khu vực trong dự án.</i>	30.000	
Dự án đất nền, nhà ở cho thuê tại khu vực tỉnh Quảng Nam <i>Nội dung thực hiện: quy hoạch, đền bù, thi công hạ tầng và tổ chức bán hàng</i>	20.000	31/12/2012
Dự án trồng cây cao su ĐÔNG GIANG - Quảng Nam <i>Nội dung thực hiện: đền bù 1.000 -1.500 ha, trồng mới 600-800 ha; chăm sóc vườn cây các năm trước, chi phí quy hoạch một phần của dự án mở rộng thêm 9.000 ha</i>	50.000	31/03/2013
Bổ sung đầu tư cho các nhà máy <i>Nội dung thực hiện: đầu tư bổ sung một số thiết bị máy móc cho sản xuất nhằm hợp lý hóa dây chuyền và thay thế một số thiết bị hư hỏng đã qua quá trình sử dụng</i>	5.000	31/12/2012
Tổng cộng	115.000	

Kế hoạch tài trợ vốn

Để đáp ứng kinh phí đầu tư cho các dự án trọng điểm VHG sẽ xúc tiến đàm phán với các nhà tài trợ vốn, xây dựng các phương thức liên kết hoặc huy động vốn phù hợp để triển khai các dự án. Nếu việc thanh lý và chuyển nhượng các tài sản thành công thì sẽ giảm nguồn vốn vay và cân nhắc cơ cấu sử dụng vốn thích hợp.

Danh mục	Kinh phí (tr.đồng)
Tổng nhu cầu vốn	585.000
<i>Vốn lưu động</i>	120.000
<i>Nhu cầu đầu tư 2012</i>	115.000
<i>Tài sản đã đầu tư</i>	350.000
Tổng nguồn vốn chủ sở hữu	395.000
Chênh lệch	(190.000)
Các nguồn huy động dự kiến	220.000
<i>Vay vốn lưu động</i>	50.000
<i>Các khoản thanh lý và thu hồi công nợ dài hạn</i>	20.000
<i>Chuyển nhượng dự án</i>	120.000
<i>Huy động các nguồn dài hạn</i>	30.000
Chênh lệch sau khi thực hiện kế hoạch cân đối	30.000

CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN MỤC TIÊU KẾ HOẠCH 2012

Để thực hiện thành công mục tiêu kế hoạch 2012, VHG tập trung vào các giải pháp cụ thể:

Giải pháp tài chính

Đứng trước tình hình huy động vốn khó khăn, lãi suất vay tăng cao, VHG tập trung xây dựng tốt kế hoạch tài chính, giám sát chặt chẽ công tác thực hiện, quản lý dòng tiền một cách linh hoạt và hiệu quả. Tăng cường công tác theo dõi, đôn đốc và kiểm soát công nợ.

Đẩy mạnh việc quản trị chi phí, tiết kiệm chi tiêu. Trong đó, chú trọng trong công tác tiêu hao nguyên vật liệu, năng suất lao động... là yếu tố then chốt góp phần giảm giá thành sản phẩm.

Đối với công tác đầu tư, cần phải rà soát và quản lý chặt chẽ danh mục đầu tư, chú trọng và ưu tiên tập trung những hạng mục nhanh chóng tạo ra sản phẩm góp phần tăng trưởng doanh thu trong năm.

Đa dạng hoá kênh huy động vốn, tận dụng vốn vay ưu đãi của chính phủ đối với các dự án thuộc đối tượng được vay tín dụng ưu đãi hoặc được hỗ trợ lãi suất. Chia sẻ dự án để quản trị rủi ro các dự án.

Nâng cao năng lực phân tích tài chính, cập nhật và phân tích thông tin kinh tế làm cơ sở cho các quyết định đầu tư ngắn và dài hạn, quyết định đầu tư hiệu quả, nhất là trong xác định giá đầu vào cho sản xuất và các lĩnh vực tài chính, chứng khoán.

Liên doanh, liên kết với các tổ chức có năng lực tài chính để thực thi các dự án đạt hiệu quả cao.

Thực hiện chương trình thanh lý tài sản và vật tư nhà máy cáp đồng đã ngừng sản xuất để thu hồi vốn, giảm thiểu thua lỗ của hoạt động này ở mức độ cho phép theo tình hình thị trường. Tập trung giới thiệu và xúc tiến hoạt động chuyển nhượng các dự án bất động sản để cân đối lại nguồn đầu tư, giảm áp lực tài chính và chi phí tài chính.

Giải pháp về tổ chức, quản lý

Duy trì những điều chỉnh lớn trong năm 2011 về quản trị Công ty và tiếp tục cải cách mạnh mẽ bộ máy quản lý ở các bộ phận theo quy chế quản trị mục tiêu của VHG. Theo đó, Công ty giao quyền tự chủ cho các Giám đốc nhà máy, dự án trong điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh,

đồng thời tăng cường công tác kiểm tra kiểm soát bằng hệ thống các công cụ được thiết lập đồng bộ với quy chế quản trị, kết hợp quản lý mục tiêu với quản lý quá trình.

Thực hiện cơ chế giao nguồn lực cho các nhà máy, bộ phận trong VHG. Xây dựng chương trình, lập dự toán ngân sách tài chính, nguyên vật liệu, lao động tiền lương, kế hoạch triển khai hoạt động và giám sát đánh giá kết quả... của từng bộ phận, từng đơn vị thành viên theo tiến độ từng quý, tháng.

Đẩy mạnh việc xây dựng hoàn thiện hệ thống kiểm soát nội bộ, tăng cường giám sát hoạt động các mặt hoạt động của các nhà máy, bộ phận chức năng, kịp thời điều chỉnh và chấn chỉnh.

Tạo môi trường làm việc thuận lợi, hấp dẫn nhất tại VHG thông qua việc xây dựng văn hoá doanh nghiệp, bản sắc riêng Công ty, cơ chế đào tạo, thu nhập...

Nâng cấp hệ thống trao đổi và cung cấp thông tin nhằm nâng cao hiệu quả của thông tin trong công tác điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của VHG bằng việc ứng dụng các phần mềm hiện đại, các giải pháp mới ERP...

Tiếp tục đẩy mạnh công tác R&D, đề ra những chương trình cải tiến thiết thực

Giải pháp về nguồn lực

Xây dựng đội ngũ kế cận cho các cấp quản lý, chuẩn bị nguồn nhân lực theo kịp quá trình phát triển của VHG.

Tìm kiếm các vị trí nhân sự cấp cao để bổ sung cho các Ban, các dự án

Đánh giá năng lực và tuyển dụng mới lao động cho bộ phận kinh doanh ở tất cả các nhà máy và dự án. Xem đây là lực lượng nòng cốt, then chốt trong công tác bán hàng và giải pháp về marketing của Công ty.

Tiếp tục đào tạo nâng cao trình độ, nghiệp vụ cho toàn thể CBCNV trong tất cả các lĩnh vực

Giải pháp về thị trường

Tập trung đầu tư cho chiến lược xây dựng và phát triển thương hiệu VHG, phát triển hệ thống kênh phân phối sâu rộng cho từng nhóm sản phẩm có sự tương tác hỗ trợ lẫn nhau.

Nâng cao vai trò của marketing, PR trong việc đưa ra định hướng chiến lược cho hoạt động sản xuất kinh doanh tại VHG. Trong năm triển khai chương trình quảng bá sản phẩm có trọng tâm. Xây dựng và định vị các thương hiệu mới cho các dòng sản phẩm của VHG.

Duy trì thường xuyên chính sách chăm sóc khách hàng truyền thống và không ngừng tìm kiếm phát triển thêm khách hàng mới, khách hàng tiềm năng...

Đầu tư hơn nữa việc thiết kế nhận dạng thương hiệu, công tác PR, công tác IR. Qua đó thay đổi và tạo dựng hình ảnh VHG với bộ mặt mới ngày càng có sức hút lớn hơn.

Xây dựng nhãn hiệu cho từng dòng sản phẩm, dịch vụ của VHG. Có kế hoạch quảng bá cho từng dự án cụ thể.

TM/Ban Giám đốc điều hành



Huỳnh Tấn Chung/Tổng giám đốc



Báo cáo

Tài chính



BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất Việt Hàn công bố báo cáo này cùng với các Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011.

Thông tin khái quát

Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất Việt Hàn (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là Công ty Cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 33030700039 ngày 14 tháng 07 năm 2003 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Quảng Nam (từ ngày thành lập đến nay Công ty đã có 9 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 24 tháng 5 năm 2011 với giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh mới số 4000386181). Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

Công ty được chấp thuận niêm yết cổ phiếu phổ thông tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 06/QĐ-SGDHCM ngày 09/01/2008 của Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán VHG. Ngày chính thức giao dịch của cổ phiếu là 09/01/2008.

Vốn điều lệ: 250.000.000.000 đồng.

Công ty con: Công ty TNHH Quê Việt – Quảng Nam

- Địa chỉ trụ sở chính: Khu B, Lô 4, KCN Điện Nam – Điện Ngọc, Huyện Điện Bàn, Tỉnh Quảng Nam.
- Hoạt động chính: Kinh doanh bất động sản; Xây dựng công trình; Dịch vụ lưu trú ngắn ngày; Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động.
- Vốn điều lệ: 100.000.000.000 đồng. Trong đó, Công ty mẹ cam kết góp 65% vốn điều lệ.

Trụ sở chính

- Địa chỉ: Lô 4, Khu Công nghiệp Điện Nam – Điện Ngọc, Huyện Điện Bàn, Tỉnh Quảng Nam
- Điện thoại: (84) 0510 3947234
- Fax: (84) 0510 3946333
- Email: trade@vhg.com.vn
- Website: <http://www.vhg.com.vn>

Ngành nghề kinh doanh chính

- Sản xuất dây cáp các loại, cáp sợi quang học;
- Hoạt động viễn thông có dây và không dây;
- Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại;
- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện (Chi tiết: thủy điện, sản xuất điện khác (điện phong...));
- Sản xuất sản phẩm từ plastic (Chi tiết: sản xuất ống nhựa cứng, ống nhựa mềm);
- Sản xuất linh kiện điện tử;
- Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác;
- Xây dựng công trình dân dụng, giao thông, kỹ thuật;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Sản xuất thủy tinh và sản phẩm từ thủy tinh;
- Khai thác quặng đồng;
- Mua bán các thiết bị điện tử viễn thông, thiết bị điện tử điều khiển, thiết bị phát sóng, linh kiện điện thoại;

- Mua bán kim loại, quặng kim loại, thiết bị điện lạnh và cơ điện;
- Trồng cây cao su;
- Trồng rừng và chăm sóc rừng lấy gỗ, khai thác gỗ;
- Khai thác quặng sắt, quặng kim loại, khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- Sản xuất kim loại màu và kim loại quý;
- Sản xuất các sản phẩm chịu lửa, vật liệu xây dựng từ đất sét, sản phẩm gốm sứ;
- Sản xuất vôi, thạch cao, xi măng, bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao;
- Sản xuất bột giấy, giấy và bìa, mua bán giấy các loại;
- Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ;
- Sản xuất cao su tổng hợp dạng nguyên sinh.

Nhân sự

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng của Công ty trong năm tài chính và đến ngày lập các Báo cáo này gồm có:

Hội đồng quản trị

- | | | |
|-----------------------|-------------------|--------------------------|
| • Ông Đinh Công Trọng | Chủ tịch HĐQT | Bổ nhiệm ngày 29/03/2008 |
| • Ông Huỳnh Tấn Chung | Phó Chủ tịch HĐQT | Bổ nhiệm ngày 29/03/2008 |
| • Ông Lê Kông Minh | Ủy viên | Bổ nhiệm ngày 29/03/2008 |
| • Ông Trần Đình Chinh | Ủy viên | Bổ nhiệm ngày 29/03/2008 |
| • Ông Phạm Hữu Xuân | Ủy viên | Bổ nhiệm ngày 29/03/2008 |

Ban kiểm soát

- | | | |
|-------------------------|------------|--------------------------|
| • Bà Đinh Thị Thúy Hạnh | Trưởng ban | Bổ nhiệm ngày 29/03/2008 |
| • Ông Phạm Ngọc Hiệp | Ủy viên | Bổ nhiệm ngày 29/03/2008 |
| • Ông Doãn Văn Thụy | Ủy viên | Bổ nhiệm ngày 29/03/2008 |

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

- | | | |
|--------------------------|-------------------|--------------------------|
| • Ông Huỳnh Tấn Chung | Tổng giám đốc | Bổ nhiệm ngày 01/01/2006 |
| • Ông Nguyễn Đông | Phó Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 01/01/2010 |
| • Bà Nguyễn Thị Thu Thảo | Kế toán trưởng | Bổ nhiệm ngày 01/02/2010 |

Kiểm toán độc lập

Các Báo cáo tài chính hợp nhất này được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC (Trụ sở chính 217 Nguyễn Văn Linh, Thành phố Đà Nẵng; Điện thoại: (84) 0511.3655886; Fax: (84) 0511.3655887; Website: www.aac.com.vn; Email: aac@dng.vnn.vn).

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc trong việc lập các Báo cáo tài chính hợp nhất

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập các Báo cáo tài chính hợp nhất này trên cơ sở:

- Tuân thủ các Quy định của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành khác có liên quan;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính kế toán một cách hợp lý và thận trọng;
- Lập các Báo cáo tài chính trên nguyên tắc hoạt động liên tục.

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc Công ty, bằng báo cáo này xác nhận rằng: Các Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất, Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và các Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2011 và kết quả hoạt động kinh doanh cũng như các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc



Huỳnh Tấn Chung

Quảng Nam, ngày 03 tháng 02 năm 2012





CÔNG TY KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC

THÀNH VIÊN QUỐC TẾ CỦA POLARIS INTERNATIONAL

Trụ sở chính
217 Nguyễn Văn Linh, Q.Thanh Khê, Tp. Đà Nẵng
Tel: 84.511.3655886; Fax: 84.511.3655887
Email: aac@dng.vnn.vn
Website: http://www.aac.com.vn

Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh
47-49 Hoàng Sa (Tầng 5 Tòa nhà Hoàng Đan)
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: 84.8.39102235; Fax: 84.8.39102349
Email: aac.hcm@aac.com.vn

Số :244 /BCKT-AAC

Đà Nẵng, ngày 06 tháng 03 năm 2012

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Kính gửi: Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các Cổ đông

Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất Việt Hàn

Chúng tôi đã kiểm toán các Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2011, gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2011, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, được lập ngày 03/02/2012 của Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất Việt Hàn (sau đây gọi tắt là "Công ty") đính kèm từ trang 5 đến trang 29. Các Báo cáo tài chính này được lập theo Chế độ kế toán Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty và của Kiểm toán viên

Việc lập các Báo cáo tài chính hợp nhất này là trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của Kiểm toán viên là dựa trên các bằng chứng kiểm toán để đưa ra ý kiến độc lập của mình về tính trung thực và hợp lý của các Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán.

Cơ sở đưa ra ý kiến

Chúng tôi đã tiến hành công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Theo đó, chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong các Báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng như cách trình bày tổng quát các Báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi tin rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của mình.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, xét trên mọi khía cạnh trọng yếu thì các Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2011 và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cũng như các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2011, phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan về lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.



Trần Thị Nở
Kiểm toán viên

Chứng chỉ KTV số 1135/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		200.676.228.224	265.745.291.379
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		5.091.545.786	7.610.288.413
1. Tiền	111	5	656.911.889	1.578.109.751
2. Các khoản tương đương tiền	112		4.434.633.897	6.032.178.662
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	3.732.320.000	8.288.001.437
1. Đầu tư ngắn hạn	121		11.690.906.000	12.339.129.837
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(7.958.586.000)	(4.051.128.400)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		118.271.111.450	135.127.477.887
1. Phải thu khách hàng	131		64.422.537.445	82.114.925.608
2. Trả trước cho người bán	132		13.903.744.421	34.926.497.359
3. Các khoản phải thu khác	135	7	41.195.183.484	18.086.054.920
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(1.250.353.900)	-
IV. Hàng tồn kho	140		67.489.926.095	106.275.698.420
1. Hàng tồn kho	141	8	68.842.526.182	106.275.698.420
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(1.352.600.087)	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		6.091.324.893	8.443.825.222
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	9	363.005.156	576.809.330
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		273.323.633	498.525.587
3. Tài sản ngắn hạn khác	158	10	5.454.996.104	7.368.490.305
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		333.214.935.655	274.124.130.642
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		206.237.286.365	176.435.772.872
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	106.868.782.634	118.145.114.367
- Nguyên giá	222		211.766.875.026	203.803.302.590
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(104.898.092.392)	(85.658.188.223)
2. Tài sản cố định vô hình	227	13	35.740.527.875	133.295.137
- Nguyên giá	228		36.407.358.099	515.499.099
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(666.830.224)	(382.203.962)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		63.627.975.856	58.157.363.368
III. Bất động sản đầu tư	240		120.057.242.838	91.256.779.284
- Nguyên giá	241		120.298.517.184	91.382.917.184
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		(241.274.346)	(126.137.900)
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		6.920.406.452	6.431.578.486
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	15	4.820.406.452	6.431.578.486
2. Tài sản dài hạn khác	268	16	2.100.000.000	
VI. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		533.891.163.879	539.869.422.021

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		138.872.039.603	86.484.920.649
I. Nợ ngắn hạn	310		138.872.039.603	86.448.557.004
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	17	114.148.839.081	48.277.878.899
2. Phải trả người bán	312		16.304.293.402	29.359.811.185
3. Người mua trả tiền trước	313		668.962.926	3.447.760.092
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	18	937.231.671	3.360.491.137
5. Phải trả người lao động	315		1.376.793.232	341.908.593
6. Chi phí phải trả	316	19	1.031.276.426	-
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	20	3.545.773.999	1.660.707.098
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		858.868.866	-
II. Nợ dài hạn	330		-	36.363.645
1. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	36.363.645
2. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		395.019.124.276	453.384.501.372
I. Vốn chủ sở hữu	410	23	395.019.124.276	453.384.501.372
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	23	250.000.000.000	250.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	23	175.000.000.000	175.000.000.000
3. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416	23	-	2.571.112.321
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	23	(29.980.875.724)	25.813.389.051
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
C. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		533.891.163.879	539.869.422.021

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	31/12/2011	31/12/2010
Ngoại tệ các loại (USD)	16.836,50	7.757,75



Huỳnh Tân Chung

Quảng Nam, ngày 03 tháng 02 năm 2012

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Thu Thảo

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, CC DV và doanh thu khác	01	282.297.518.423	310.535.571.383
2. Tiền chi trả cho người cung cấp HH và DV	02	(211.290.347.091)	(281.828.531.515)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(22.970.716.644)	(20.881.215.729)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(13.735.302.575)	(4.088.359.563)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(1.808.271.271)	-
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	34.387.361.500	13.606.277.874
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(40.407.075.611)	(50.659.310.894)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	26.473.166.731	(33.315.568.444)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm XD TSCĐ và các TS DH khác	21	(75.556.567.921)	(21.852.689.225)
2. Tiền thu từ TLý, nhượng bán TSCĐ và các TS DH khác	22	4.712.345.000	78.000.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	(2.500.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các CC nợ của đơn vị khác	24	599.890.000	2.500.000.000
5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	5.062.500.000
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	818.896.206	735.889.775
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(69.425.436.715)	(15.976.299.450)
1. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	172.298.234.298	114.247.988.456
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(109.623.605.736)	(96.087.211.224)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(22.242.663.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	40.431.965.562	18.160.777.232
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(2.520.304.422)	(31.131.090.662)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	7.610.288.413	38.503.729.349
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái qui đổi ngoại tệ	61	1.561.795	237.649.726
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	5.091.545.786	7.610.288.413

Tổng Giám đốc



Huỳnh Tân Chung

Quảng Nam, ngày 03 tháng 02 năm 2012

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Thu Thảo

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
1. Doanh thu bán hàng & cc dịch vụ	01	24	249.199.894.131	302.639.072.555
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	24	1.446.068.316	1.087.534.298
3. Doanh thu thuần về bán hàng & cc dịch vụ	10	24	247.753.825.815	301.551.538.257
4. Giá vốn hàng bán	11	25	223.392.199.370	244.029.851.788
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng & cc dịch vụ	20		24.361.626.445	57.521.686.469
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	26	4.936.536.099	5.514.220.235
7. Chi phí tài chính	22	27	21.637.572.916	12.897.279.205
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		23	<i>14.766.579.001</i>	<i>4.088.359.563</i>
8. Chi phí bán hàng	24		19.321.540.811	19.113.267.801
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		17.086.717.095	14.138.190.890
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(28.747.668.278)	16.887.168.808
11. Thu nhập khác	31	28	5.323.740.630	781.823.579
12. Chi phí khác	32	29	7.170.337.127	761.710.779
13. Lợi nhuận khác	40		(1.846.596.497)	20.112.800
14. Lãi hoặc lỗ trong Cty liên kết, liên doanh	45		-	-
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	30	(30.594.264.775)	16.907.281.608
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	30	-	2.109.353.136
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	30	-	-
18. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60	30	(30.594.264.775)	14.797.928.472
18.1 Lợi nhuận ST của cổ đông thiểu số	61		-	-
18.2 Lợi nhuận ST của cổ đông công ty mẹ	62		(30.594.264.775)	14.797.928.472
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	31	(1.224)	592

Tổng Giám đốc

Huỳnh Tân Chung

Quảng Nam, ngày 03 tháng 02 năm 2012

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Thu Thảo

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

1. Đặc điểm hoạt động

Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất Việt Hàn (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là Công ty Cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 33030700039 ngày 14 tháng 07 năm 2003 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Quảng Nam (từ ngày thành lập đến nay Công ty đã có 9 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 24 tháng 5 năm 2011 với giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh mới số 4000386181). Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

Ngành nghề kinh doanh chính

- Sản xuất dây cáp các loại, cáp sợi quang học;
- Hoạt động viễn thông có dây và không dây;
- Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại;
- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện (Chi tiết: thủy điện, sản xuất điện khác (điện phong...));
- Sản xuất sản phẩm từ plastic (Chi tiết: sản xuất ống nhựa cứng, ống nhựa mềm);
- Sản xuất linh kiện điện tử;
- Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác;
- Xây dựng công trình dân dụng, giao thông, kỹ thuật;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Sản xuất thủy tinh và sản phẩm từ thủy tinh;
- Khai thác quặng đồng;
- Mua bán các thiết bị điện tử viễn thông, thiết bị điện tử điều khiển, thiết bị phát sóng, linh kiện điện thoại;
- Mua bán kim loại, quặng kim loại, thiết bị điện lạnh và cơ điện;
- Trồng cây cao su;
- Trồng rừng và chăm sóc rừng lấy gỗ, khai thác gỗ;
- Khai thác quặng sắt, quặng kim loại, khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- Sản xuất kim loại màu và kim loại quý;
- Sản xuất các sản phẩm chịu lửa, vật liệu xây dựng từ đất sét, sản phẩm gốm sứ;
- Sản xuất vôi, thạch cao, xi măng, bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao;
- Sản xuất bột giấy, giấy và bìa, mua bán giấy các loại;
- Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ;
- Sản xuất cao su tổng hợp dạng nguyên sinh.

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011 bao gồm Công ty mẹ và một Công ty con.

Công ty con được hợp nhất: Công ty TNHH Quê Việt – Quảng Nam

- Địa chỉ trụ sở chính: Khu B, Lô 4, KCN Điện Nam – Điện Ngọc, Huyện Điện Bàn, Tỉnh Quảng Nam.
- Hoạt động chính: Kinh doanh bất động sản; Xây dựng công trình; Dịch vụ lưu trú ngắn ngày; Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động.
- Vốn điều lệ: 100.000.000.000 đồng. Trong đó, Công ty mẹ cam kết góp 65% vốn điều lệ.

- Đến thời điểm 31/12/2011, vốn thực góp của Công ty mẹ vào Công ty con là 64.879.847.503 đồng, thành viên còn lại chưa góp vốn.
- Tình trạng hoạt động: chưa hoạt động.

2. Niên độ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính và các nghiệp vụ kế toán được lập và ghi sổ bằng Đồng Việt Nam (VND).

3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán Việt Nam, ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006, Hệ thống Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và các qui định về sửa đổi, bổ sung có liên quan của Bộ Tài chính.

Hình thức kế toán: Chứng từ ghi sổ.

4. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

4.1 Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Công ty con

Công ty con là đơn vị do Công ty kiểm soát. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ các hoạt động của công ty này. Báo cáo tài chính của công ty con được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày Công ty bắt đầu kiểm soát đến ngày kết thúc kiểm soát.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của Công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào lợi ích của Công ty mẹ trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

Các giao dịch bị loại ra khi hợp nhất

Các số dư và giao dịch nội bộ và lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ giữa Công ty mẹ và công ty con bị loại bỏ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

4.2 Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của Công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông thiểu số trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

4.3 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm: Tiền mặt, tiền gửi ngân hàng và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

4.4 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng tại thời điểm phát sinh. Các tài khoản có số dư ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh trong

kỳ và do đánh giá lại số dư cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được hạch toán vào kết quả kinh doanh trong kỳ.

4.5 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ Tài chính.

4.6 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

4.7 Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn

Đầu tư tài chính ngắn hạn là các khoản đầu tư có thời hạn đáo hạn không quá 12 tháng.

Đầu tư tài chính dài hạn khác bao gồm các khoản đầu tư vốn vào đơn vị khác mà Công ty nắm giữ dưới 20% quyền biểu quyết, đầu tư trái phiếu, cho vay vốn và các khoản đầu tư dài hạn khác mà thời hạn nắm giữ, thu hồi hoặc thanh toán trên 12 tháng.

Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn, dài hạn khác được phản ánh theo giá gốc. Dự phòng được lập cho các khoản giảm giá đầu tư nếu phát sinh tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư dài hạn được lập cho các khoản vốn Công ty đang đầu tư vào các tổ chức kinh tế khác nếu các tổ chức kinh tế này bị lỗ tại ngày kết thúc kỳ kế toán (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư).

Việc trích lập dự phòng thực hiện theo Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

4.8 Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Mức khấu hao phù hợp với Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính.

Loại tài sản	Thời gian khấu hao (năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	10
Máy móc, thiết bị	6 - 10

Phương tiện vận tải, truyền dẫn	3 – 6
Thiết bị dụng cụ quản lý	3 – 5
Tài sản cố định khác	3 - 7

4.9 Tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được ghi nhận là tài sản cố định vô hình khi Công ty được Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (trừ trường hợp đi thuê đất)

Nguyên giá là Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất được xác định là toàn bộ các khoản tiền chi ra để có quyền sử dụng đất hợp pháp cộng với các chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,...

Quyền sử dụng đất không có thời hạn thì không tính khấu hao.

Các tài sản cố định vô hình khác

Các tài sản cố định vô hình khác là phần mềm kế toán được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Khấu hao của tài sản cố định vô hình này được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Tỷ lệ khấu hao phù hợp với Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính.

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Phần mềm máy tính	3
Quyền sử dụng đất có thời hạn	50 - 70

4.10 Bất động sản đầu tư

Nguyên giá

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá của bất động sản đầu tư nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư. Mức khấu hao phù hợp với Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính.

4.11 Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán. Chi phí trả trước dài hạn được phân bổ trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

4.12 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

4.13 Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được dùng để chi trả trợ cấp thôi việc, mất việc cho khoảng thời gian người lao động làm việc tại Công ty tính đến thời điểm 31/12/2008. Mức trích quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm là từ 1% đến 3% quỹ lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội và được hạch toán

vào chi phí trong kỳ. Trường hợp quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm không đủ để chi trợ cấp thì phân chênh lệch thiếu được hạch toán vào chi phí.

Quỹ dự phòng về trợ cấp mất việc làm được Công ty trích lập theo quy định tại Thông tư số 82/2003/TT-BTC ngày 14/08/2003 của Bộ Tài chính.

4.14 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay trong giai đoạn đầu tư xây dựng các công trình xây dựng cơ bản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó. Khi công trình hoàn thành thì chi phí đi vay được tính vào chi phí tài chính trong kỳ.

Tất cả các chi phí đi vay khác được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ khi phát sinh.

4.15 Phân phối lợi nhuận thuần

Lợi nhuận thuần sau thuế sau khi trích lập các quỹ được chia cho các cổ đông theo Nghị quyết của Đại hội cổ đông

4.16 Ghi nhận doanh thu

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có khả năng thu được các lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách chắc chắn, đồng thời thỏa mãn điều kiện sau:
 - ✓ Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro đáng kể và quyền sở hữu về sản phẩm đã được chuyển giao cho người mua và không còn khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hoặc khả năng trả lại hàng.
 - ✓ Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã hoàn thành dịch vụ. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
 - ✓ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế.
 - ✓ Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

4.17 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

4.18 Thuế suất và các lệ phí nộp Ngân sách mà Công ty đang áp dụng

- **Thuế Giá trị gia tăng:** Áp dụng mức thuế suất 10% đối với hoạt động bán cấp quang, cáp điện, ống nhựa, sản phẩm FRP, vật liệu xây dựng. Các hoạt động khác áp dụng thuế suất theo quy định.
- **Thuế Thu nhập doanh nghiệp:**

- **Tại Công ty mẹ**
- ✓ Đối với dự án đầu tư sản xuất thành phẩm cấp: Công ty áp dụng thuế suất Thuế Thu nhập doanh nghiệp là 15% trong thời hạn 08 năm kể từ năm 2007 (năm 2007 đến năm 2014), được miễn thuế Thu nhập doanh nghiệp trong thời gian 3 năm kể từ khi có Thu nhập chịu thuế và giảm 50% trong 7 năm tiếp theo. Năm 2005 là năm đầu tiên Công ty có Thu nhập chịu thuế, do đó Công ty được miễn thuế Thu nhập doanh nghiệp trong 3 năm 2005, 2006, 2007 và giảm 50% thuế TNDN trong 7 năm tiếp theo (năm 2008 đến năm 2014).
- ✓ Đối với các Dự án đầu tư mở rộng: Được miễn thuế 01 năm và giảm 50% số thuế phải nộp trong 04 năm tiếp theo đối với phần thu nhập tăng thêm do đầu tư mang lại. Thời gian miễn thuế, giảm thuế TNDN được tính từ năm dự án đầu tư hoàn thành bắt đầu đưa vào sản xuất, kinh doanh.
- ✓ Đối với hoạt động bán hàng hóa thương mại và cho thuê Bất động sản đầu tư: Công ty áp dụng mức thuế suất Thuế Thu nhập doanh nghiệp theo quy định hiện hành.
- **Tại Công ty con:** Áp dụng mức thuế suất 25%.
- **Tiền thuê đất (tại Công ty mẹ):**
 - + Hợp đồng thuê lại đất số 33/HĐTLĐ ngày 28/08/2003 đã ký giữa Công ty Phát triển Đô thị và Khu công nghiệp QNĐN và Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất Việt Hàn, Công ty thuê tổng cộng 20.000 m² đất tại Lô số 4, Khu công nghiệp Điện Nam – Điện Ngọc, Tỉnh Quảng Nam với giá tiền thuê đất là 0,6 USD/m²/năm. Công ty được miễn tiền thuê đất đến hết ngày 31/12/2007, thời gian còn lại 38 năm Công ty trả tiền thuê đất 6 năm một lần vào tháng đầu tiên của mỗi lần.
 - + Hợp đồng thuê đất số 92/HĐTLĐ ngày 01/7/2007 và số 288/HĐTLĐ ngày 30/11/2007 đã ký giữa Công ty Phát triển Đô thị và Khu công nghiệp QNĐN và Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất Việt Hàn, Công ty thuê tổng cộng 43.800m² đất với thời hạn thuê 39 năm, giá thuê 0,6USD/m²/năm. Tiền thuê đất trả 06 năm một lần.
- **Các loại Thuế khác và Lệ phí nộp theo quy định hiện hành.**

5. Tiền

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Tiền mặt	86.267.748	796.501.756
Tiền gửi ngân hàng	570.644.141	781.607.995
Tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng	4.434.633.897	6.032.178.662
Cộng	<u>5.091.545.786</u>	<u>7.610.288.413</u>

6. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Đầu tư ngắn hạn	11.690.906.000	12.339.129.837
- Cổ phiếu đầu tư ngắn hạn (*)	10.990.796.000	11.039.129.837
- Cho vay ngắn hạn	700.110.000	1.300.000.000
+ Công ty Đầu tư Viễn thông Tin học Bưu điện	300.000.000	300.000.000
+ Đình Văn Chính	400.110.000	1.000.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(7.958.586.000)	(4.051.128.400)
Cộng	<u>3.732.320.000</u>	<u>8.288.001.437</u>

Mã cổ phiếu	Số lượng	Giá trị sổ sách	ĐG sổ sách	Thị giá	CP dự phòng
	CP	VND	VND/CP	VND/CP	VND
DIG	5.200	288.000.000	55.385	10.400	233.920.000
DRC	9.000	384.000.000	42.667	17.100	230.100.000
GMD	1.500	120.750.000	80.500	17.900	93.900.000
ITA	3.680	91.540.000	24.875	6.500	67.620.000
KSS	8.000	385.680.000	48.210	6.600	332.880.000
MPC	2.110	87.776.000	41.600	14.600	56.970.000
OGC	124.560	4.020.850.000	32.280	8.000	3.024.370.000
PET	68.000	1.769.950.000	26.029	12.000	953.950.000
PGT	21.000	282.000.000	13.429	3.100	216.900.000
PVD	3.000	222.000.000	74.000	33.200	122.400.000
PVX	10.000	310.000.000	31.000	6.700	243.000.000
SSI	10.000	443.000.000	44.300	13.700	306.000.000
VID	3.094	43.940.000	14.202	4.000	31.564.000
VIP	40.000	848.000.000	21.200	4.200	680.000.000
VMG	20.000	350.000.000	17.500	4.300	264.000.000
VNE	79.800	1.312.710.000	16.450	3.000	1.073.310.000
VPH	690	30.600.000	44.348	4.200	27.702.000
Cộng		10.990.796.000			7.958.586.000

Các khoản phải thu khác

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Đình Công Trạng	16.966.241.988	-
Võ Phạm Thị Thương	23.000.000.000	
Công ty CP Điện tử - Viễn thông - Tin học Bru điện	385.618.333	385.618.333
Công ty Xây lắp và PTDV bưu điện Quảng Nam	-	15.777.778
Đình Văn Chính (Tiền lãi cho vay)	99.399.063	114.500.000
Công ty TNHH Quê Việt		17.000.000.000
Cổ tức cổ phiếu OGC, DIC	-	107.800.000
Phải thu khác	743.924.100	462.358.809
Cộng	41.195.183.484	18.086.054.920

7. Hàng tồn kho

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Nguyên liệu, vật liệu	20.013.014.700	48.747.398.816
Công cụ, dụng cụ	584.589.490	681.156.772
Chi phí SX, KD dở dang	15.963.257.712	17.421.079.774
Thành phẩm	28.092.150.026	33.311.115.684
Hàng hóa	2.594.765.765	2.070.761.607
Hàng gửi đi bán	1.594.748.489	4.044.185.767
Cộng	68.842.526.182	106.275.698.420

8. Chi phí trả trước ngắn hạn

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Phí bảo hiểm, tiền thuê nhà, chi phí quảng cáo,...	363.005.156	576.809.330
Cộng	363.005.156	576.809.330

9. Tài sản ngắn hạn khác

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Tạm ứng	3.666.036.901	4.253.907.471
Cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1.788.959.203	3.114.582.834
Cộng	5.454.996.104	7.368.490.305

10. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	P.tiện vận tải truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tài sản cố định khác VND	Cộng VND
Nguyên giá						
Số đầu năm	51.304.678.449	136.358.863.666	6.080.751.554	1.480.566.188	8.578.442.733	203.803.302.590
Mua sắm trong năm	-	5.920.711.841	-	206.555.090	64.903.843	6.192.170.774
Đ/tư XDCB h/thành	2.066.531.662	-	-	-	-	2.066.531.662
Giảm trong năm			295.130.000			295.130.000
Số cuối năm	53.371.210.111	142.279.575.507	5.785.621.554	1.687.121.278	8.643.346.576	211.766.875.026
Khấu hao						
Số đầu năm	17.253.725.500	58.289.260.706	3.614.978.086	1.243.758.951	5.256.464.980	85.658.188.223
Khấu hao trong năm	5.014.642.895	11.737.166.271	930.593.886	170.545.759	1.564.853.152	19.417.801.963
Giảm trong năm			177.897.794			177.897.794
Số cuối năm	22.268.368.395	70.026.426.977	4.367.674.178	1.414.304.710	6.821.318.132	104.898.092.392
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	34.050.952.949	78.069.602.960	2.465.773.468	236.807.237	3.321.977.753	118.145.114.367
Số cuối năm	31.102.841.716	72.253.148.530	1.417.947.376	272.816.568	1.822.028.444	106.868.782.634

Nguyên giá TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại thời điểm 31/12/2011: 4.448.285.370 đồng.

Giá trị còn lại của TSCĐ cầm cố, thế chấp tại thời điểm 31/12/2011: 57.232.842.273 đồng.

Nguyên giá TSCĐ không cần dùng, chờ thanh lý tại ngày 31/12/2011 là 65.007.570.737 đồng (Giá trị còn lại: 21.599.212.795 đồng)

11. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Cộng VND
Nguyên giá			
Số đầu năm	-	515.499.099	515.499.099
Tăng trong năm	35.891.859.000	-	35.891.859.000
Giảm trong năm	-	-	-
Số cuối năm	35.891.859.000	515.499.099	36.407.358.099
Khấu hao			
Số đầu năm	-	382.203.962	382.203.962
Khấu hao trong năm	156.303.257	128.323.005	284.626.262
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
Số cuối năm	156.303.257	510.526.967	666.830.224
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	-	133.295.137	133.295.137
Số cuối năm	35.735.555.743	4.972.132	35.740.527.875

12. Xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Máy đùn nhựa	867.363.154	678.993.154
Bất động sản đầu tư (KCN An Luru)	8.777.010.855	8.754.292.673
Thiết bị phong điện	-	5.751.428.154
Dự án trồng cao su	43.812.185.451	36.663.958.572
Dự án cao ốc D'Evelyn (Lotus Plaza)	8.098.573.959	5.508.448.632
Dự án khoáng sản	1.538.156.097	624.298.252
Dự án tái chế nhựa	86.358.000	86.358.000
Dự án mở rộng Nhà xưởng FRP giai đoạn 2	-	88.222.295
Khu du lịch nghỉ dưỡng	156.303.257	-
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang khác	292.025.083	1.363.636
Cộng	63.627.975.856	58.157.363.368

13. Bất động sản đầu tư

	Quyền sử dụng đất VND	Nhà đặt trạm thiết bị BTS VND	Cộng VND
Nguyên giá			
Số đầu năm	91.231.587.676	151.329.508	91.382.917.184
Tăng trong năm	28.915.600.000	-	28.915.600.000
Giảm trong năm	-	-	-
Số cuối năm	120.147.187.676	151.329.508	120.298.517.184
Khấu hao			
Số đầu năm	-	126.137.900	126.137.900
Khấu hao trong năm	89.944.838	25.191.608	115.136.446
Giảm trong năm	-	-	-
Số cuối năm	89.944.838	151.329.508	241.274.346
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	91.231.587.676	25.191.608	91.256.779.284
Số cuối năm	120.057.242.838	-	120.057.242.838

14. Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Tiền thuê đất tại KCN trả trước nhiều năm	439.210.080	658.815.120
Chi phí phân bổ dài hạn của VPC	316.981.174	780.785.864
Chi phí phân bổ dài hạn của xưởng FRP	35.941.589	117.523.431
Chi phí phân bổ dài hạn của VMC	3.954.198.043	4.323.027.079
Chi phí phân bổ dài hạn của xưởng nhựa	65.205.482	386.076.948
Chi phí phân bổ dài hạn của VPDN	8.870.084	165.350.044
Cộng	4.820.406.452	6.431.578.486

15. Tài sản dài hạn khác

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Ký cược, ký quỹ dài hạn	2.100.000.000	-
Cộng	2.100.000.000	-

16. Vay và nợ ngắn hạn

	31/12/2011		31/12/2010	
	USD	VND	USD	VND
NH ĐT&PT Quảng Nam		85.840.556.460		48.277.878.899
+ VND		71.631.922.510		18.266.710.630
+ USD	682.189,07 #	14.208.633.950	1.585.208,55 #	30.011.168.269
NH TMCP Đông Á Quảng Nam		18.858.282.621		-
Vay cá nhân		9.450.000.000		-
Cộng		114.148.839.081		48.277.878.899

17. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/12/2011	31/12/2010
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	817.761.034	1.462.393.703
Thuế xuất, nhập khẩu	48.402.947	64.230.767
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	1.808.271.271
Thuế thu nhập cá nhân	71.067.690	25.595.396
Cộng	937.231.671	3.360.491.137

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính này có thể sẽ thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

18. Chi phí phải trả

	31/12/2011	31/12/2010
	VND	VND
Lãi vay phải trả	1.031.276.426	-
Cộng	1.031.276.426	-



19. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Kinh phí công đoàn	203.050.832	331.797.094
Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế	876.937.295	2.276.578
Bảo hiểm thất nghiệp	94.814.626	-
Cty CP PT đô thị và KCN Quảng Nam - Đà Nẵng	1.680.996.002	1.215.268.802
Thù lao ban kiểm soát	98.000.000	-
Cổ tức phải trả	257.337.000	
Phải trả khác	334.638.244	111.364.624
Cộng	<u>3.545.773.999</u>	<u>1.660.707.098</u>

20. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	LNST chưa phân phối VND
S dư tại 01/01/2010	250.000.000.000	175.000.000.000	814.163.869	200.881.676	7.622.619.380	3.191.959.523
Tăng trong năm	-	-	5.206.185.083	-	-	22.621.429.528
Giảm trong năm	-	-	3.449.236.631	200.881.676	7.622.619.380	-
S dư tại 31/12/2010	<u>250.000.000.000</u>	<u>175.000.000.000</u>	<u>2.571.112.321</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>25.813.389.051</u>
S dư tại 01/01/2011	250.000.000.000	175.000.000.000	2.571.112.321	-	-	25.813.389.051
Tăng trong năm	-	-	-	-	-	(30.594.264.775)
Giảm trong năm	-	-	2.571.112.321	-	-	25.200.000.000
S dư tại 31/12/2011	<u>250.000.000.000</u>	<u>175.000.000.000</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>(29.980.875.724)</u>

b. Cổ phiếu

	31/12/2011 Cổ phiếu	31/12/2010 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	25.000.000	25.000.000
- Cổ phiếu thường	25.000.000	25.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	25.000.000	25.000.000
- Cổ phiếu thường	25.000.000	25.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi		
Mệnh giá cổ phiếu: 10.000VND		

c. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Lợi nhuận năm trước chuyển sang	25.813.389.051	3.191.959.523
Lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp	(30.594.264.775)	14.797.928.472
Các khoản điều chỉnh tăng lợi nhuận năm nay	-	7.823.501.056
- Quỹ đầu tư Phát triển	-	200.881.676
- Quỹ dự phòng tài chính	-	7.622.619.380
Phân phối lợi nhuận	25.200.000.000	-
Phân phối lợi nhuận năm trước	25.200.000.000	-
- Thù lao HĐQT, Ban kiểm soát	200.000.000	-
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi	2.500.000.000	-
- Chia cổ tức	22.500.000.000	-
Tạm phân phối lợi nhuận năm nay	-	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	(29.980.875.724)	25.813.389.051

Lợi nhuận sau thuế năm 2010 được phân phối theo Nghị quyết số 01/2011/NQ-ĐHCHĐ ngày 29/4/2011 của Đại hội đồng cổ đông Công ty mẹ, tỷ lệ cổ tức là 9%

21. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	249.199.894.131	302.639.072.555
+ Doanh thu bán thành phẩm	214.398.284.588	232.156.125.641
+ Doanh thu bán hàng hóa	34.710.700.443	50.373.856.012
+ Doanh thu cho thuê bất động sản đầu tư	90.909.100	109.090.902
+ Doanh thu kinh doanh bất động sản, quyền đầu tư dự án	-	20.000.000.000
Các khoản giảm trừ doanh thu	1.446.068.316	1.087.534.298
+ Hàng bán bị trả lại	1.446.068.316	1.087.534.298
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	247.753.825.815	301.551.538.257

22. Giá vốn hàng bán

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Giá vốn của thành phẩm đã bán	187.515.586.924	196.412.511.687
Giá vốn của hàng hóa đã bán	34.478.954.799	47.560.294.500
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	1.352.600.087	-
Giá vốn của hoạt động cho thuê bất động sản và khác	45.057.560	57.045.601
Cộng	223.392.199.370	244.029.851.788

23. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	480.738.991	862.603.828
Cổ tức, lợi nhuận được chia	199.478.500	115.634.351
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	45.823.852	65.076.864
Lãi từ thanh lý các khoản đầu tư	23.596.163	3.422.954.000
Chiết khấu thanh toán	594.888.944	225.262.024
Doanh thu hoạt động tài chính khác		822.689.168
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	3.592.009.649	
Cộng	4.936.536.099	5.514.220.235

24. Chi phí tài chính

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Lãi tiền vay	14.766.579.001	4.088.359.563
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	-	190.184.000
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	2.948.215.494	4.593.843.121
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	3.907.457.600	3.959.926.400
Chi phí tài chính khác	15.320.821	64.966.121
Cộng	21.637.572.916	12.897.279.205

25. Thu nhập khác

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Thanh lý, nhượng bán tài sản dài hạn	4.722.350.000	78.000.000
Thu nhập từ bồi thường	-	206.708.000
Thu bán phế phẩm, phế liệu	601.390.630	186.545.455
Thu khác	-	310.570.124
Cộng	5.323.740.630	781.823.579



26. Chi phí khác

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Chi phí bồi thường, bị phạt	145.654.439	277.783.322
Chi phí thanh lý tài sản dài hạn	6.114.283.069	227.048.054
Chi phí thanh lý vật tư, bán phế liệu	414.441.392	-
Chi phí khác	495.958.227	256.879.403
Cộng	7.170.337.127	761.710.779

27. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và lợi nhuận sau thuế trong năm

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(30.594.264.775)	16.907.281.608
- Hoạt động SXKD, bán hàng hoá và cho thuê BĐS	(30.570.275.397)	(926.963.483)
+ <i>Hoạt động sản xuất kinh doanh (thành phẩm)</i>	(23.425.422.833)	3.228.094.541
+ <i>Hoạt động bán hàng hoá và cho thuê bất động sản</i>	(7.144.852.564)	(4.155.058.024)
- Hoạt động khác		17.834.245.091
- Hoạt động kinh doanh của công ty con	(23.989.378)	
Điều chỉnh các khoản thu nhập chịu thuế	2.903.749.460	5.959.341.208
- Điều chỉnh tăng	6.775.146.546	6.074.975.559
+ <i>Chi phí không hợp lý, hợp lệ</i>	949.752.630	240.701.525
+ <i>CP khấu hao Nhà máy cáp đồng ngưng sản xuất</i>	5.747.679.679	5.828.614.648
+ <i>Chi nộp phạt thuế, phạt vi phạm hành chính</i>	77.714.237	5.659.386
- Điều chỉnh giảm	3.871.397.086	115.634.351
+ <i>Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện</i>	3.671.918.586	-
+ <i>Cổ tức, lợi nhuận được chia</i>	199.478.500	115.634.351
Tổng thu nhập chịu thuế (chưa trừ chuyển lỗ)	(27.690.515.315)	22.866.622.816
- Hoạt động SXKD, bán hàng hoá và cho thuê BĐS	(27.666.525.937)	5.032.377.725
+ <i>Hoạt động sản xuất kinh doanh</i>	(20.521.673.373)	9.187.435.749
+ <i>Hoạt động bán hàng hoá và cho thuê bất động sản</i>	(7.144.852.564)	(4.155.058.024)
- Hoạt động khác	-	17.834.245.091
- Hoạt động kinh doanh của công ty con	(23.989.378)	-
Lỗ từ các năm trước chuyển sang	-	(10.906.545.865)
Tổng thu nhập chịu thuế (sau chuyển lỗ)	(27.690.515.315)	11.960.076.951
- Hoạt động SXKD, bán hàng hoá và cho thuê BĐS	(27.666.525.937)	5.032.377.725
+ <i>Hoạt động sản xuất kinh doanh</i>	(20.521.673.373)	9.187.435.749
+ <i>Hoạt động bán hàng hoá và cho thuê bất động sản</i>	(7.144.852.564)	(4.155.058.024)
- Hoạt động khác	-	6.927.699.226
- Hoạt động kinh doanh của công ty con	(23.989.378)	
Chi phí Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	2.109.353.136
- Hoạt động được hưởng ưu đãi (TS 15%, giảm 50%)	-	377.428.329
- Hoạt động không được hưởng ưu đãi (Bán hàng hóa, cho thuê BĐS, hoạt động khác)		1.731.924.807
Lợi nhuận sau thuế TNDN	(30.594.264.775)	14.797.928.472
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số		
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông Công ty mẹ	(30.594.264.775)	14.797.928.472

28. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(30.594.264.775)	14.797.928.472
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán	-	-
LN hoặc Lỗ phân bổ cho Cổ đông sở hữu CP phổ thông	(30.594.264.775)	14.797.928.472
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	25.000.000	25.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(1.224)	592

29. Chi phí sản xuất theo yếu tố

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	136.690.257.302	161.136.313.878
Chi phí nhân công	24.560.895.828	21.318.802.448
Chi phí khấu hao tài sản cố định	19.661.261.414	18.997.738.313
Chi phí dịch vụ mua ngoài	21.640.395.641	22.404.535.690
Chi phí khác bằng tiền	7.734.849.383	6.542.324.680
Cộng	210.287.659.568	230.399.715.009

30. Số dư với các bên liên quan

	Mối quan hệ	31/12/2011 VND
Phải thu khác		
Đình Công Trạng	Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Đầu tư & Sản xuất Việt Hàn	16.966.241.988
Võ Phạm Thị Thương	Chủ sở hữu Công ty Dịch vụ và Đầu tư Quê Việt (Canada)	23.000.000.000



31. Báo cáo bộ phận

Hoạt động	Văn phòng Công ty	Nhà máy Cấp viễn thông	Nhà máy Cấp điện	Nhà máy Nhựa	Nhà máy FRP	Nhà máy Công nghệ vật liệu	Cộng
Doanh thu	90.909.100	79.478.364.213	88.980.072.537	36.574.845.512	17.489.183.179	26.586.519.590	249.199.894.131
Các khoản giảm trừ doanh thu		26.690.000	669.261.338	248.748.614		501.368.364	1.446.068.316
Giá vốn	45.057.560	78.064.635.176	77.226.340.630	32.071.013.151	13.515.559.046	22.469.593.807	223.392.199.370
Tài sản cố định hữu hình	1.634.512.581	37.571.117.471	13.563.140.065	12.362.023.917	11.899.567.072	29.838.421.528	106.868.782.634
- Nguyên giá	5.341.677.832	102.463.241.250	24.501.421.317	22.100.914.194	15.281.899.257	42.077.721.176	211.766.875.026
- Hao mòn	3.707.165.251	64.892.123.779	10.938.281.252	9.738.890.277	3.382.332.185	12.239.299.648	104.898.092.392
Nợ phải thu	23.847.269.061	27.194.688.100	13.028.398.183	7.914.589.144	4.335.819.391	2.005.517.937	78.326.281.816
Nợ phải trả	1.189.623.827	3.931.450.359	3.185.577.868	5.790.881.032	1.211.210.502	1.664.512.740	16.973.256.328

Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Không có sự kiện quan trọng nào khác xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong các Báo cáo tài chính.

32. Số liệu so sánh

Là các số liệu trong báo cáo tài chính của năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010 đã được kiểm toán bởi AAC.

Tổng Giám đốc



Huỳnh Tân Chung

Quảng Nam, ngày 03 tháng 02 năm 2012

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Thu Thảo

Thông tin

Cổ đông



THÔNG TIN DÀNH CHO CỔ ĐÔNG

THỐNG KÊ VỀ CỔ ĐÔNG

(theo danh sách chốt sổ ngày 09/03/2012)

Cổ đông sáng lập

	Số lượng cổ phiếu	%
Đình Công Trạng	3.473.844	13,89
Huỳnh Tấn Chung	3.069.383	12,27
Lê Thị Kim Ánh	2.688.675	10,76
Trương Thị Thanh Hương	-	-
Đình Văn Chính	380.697	1,53
Tổng cộng	9.612.599	38,45

Các loại cổ phiếu

	Số lượng	Mệnh giá	Quyền biểu quyết
Cổ phiếu phổ thông	25.000.000	10.000	1:1
Cổ phiếu ưu đãi	-	10.000	1:1
Cổ phiếu quỹ	-	10.000	1:0
Tổng cộng	25.000.000		

Cơ cấu sở hữu

	Số cổ đông	%	Tổng số cổ phiếu	%
1 - 1000	1.120	53,59	499.409	2,00
1.001 - 10.000	756	36,17	2.991.615	11,97
10.001 - 50.000	162	7,75	3.384.953	13,54
50.001 - 100.000	22	1,05	1.520.859	6,08
100.001 - 1.000.000	27	1,29	7.371.262	29,49
> 1.000.000	3	0,14	9.231.902	36,93
Tổng cộng	2.090	100%	25.000.000	100%

Cơ cấu cổ đông

	Số cổ đông	%	Tổng số cổ phiếu	%
Hội đồng quản trị, Ban TGD, kế toán trưởng, Ban KS, nhân viên VHG	11	0,53	9.533.539	38,13
Cá nhân	2.062	98,66	7.705.829	30,82
Tổ chức	17	0,81	853.468	3,41
Tổng cộng	2.613	100%	25.000.000	100%

Sở hữu theo địa lý

	Số cổ đông	Tỷ lệ cổ đông	Tổng số cổ phiếu	Tỷ lệ cổ phiếu
Việt Nam	2.057	98,42	24.921.252	99,69
Cá nhân	2.043	97,75	23.891.391	95,57
Tổ chức	14	0,67	1.029.861	4,12
Nước ngoài	33	1,58	78.748	0,31
Cá nhân	29	1,39	32.830	0,13
Tổ chức	4	0,19%	45.918	0,18
Tổng cộng	2.090	100%	25.000.000	100%

Cổ đông nắm giữ trên 5% sở hữu

	Cổ đông	Địa chỉ	Số cổ phần	%
1	Đình Công Trạng	C22, BT6, Mỹ Đình 2, Từ Liêm - Hà Nội	3.473.844	13,89
2	Huỳnh Tấn Chung	158 -Bạch Đằng – Tp. Đà Nẵng	3.069.383	12,27
3	Lê Thị Kim Ánh	34 -Phan Bội Châu – Tp. Đà Nẵng	2.688.675	10,76

Sở hữu cổ phần của các thành viên HĐQT

Cổ đông	Địa chỉ	Số cổ phần	%
1 Đinh Công Trạng	C22, BT6, Mỹ Đình 2, Từ Liêm - Hà Nội	3.473.844	13,89
2 Huỳnh Tấn Chung	158 Bạch Đằng –Tp.Đà Nẵng	3.069.383	12,27
3 Trần Đình Chinh	Đường Phan Bội Châu, Tam kỳ - Quảng Nam	51.519	0,21
Tổng cộng		6.594.746	26,37

Sở hữu cổ phần của các thành viên Ban kiểm soát

Cổ đông	Địa chỉ	Số cổ phần	%
1 Đinh Thị Thúy Hạnh	59 Lương Ngọc Quyến – Tp. Hà Nội	54.587	0,21
2 Doãn Văn Thụy	Trần Phú, Tp.Tam Kỳ - Quảng Nam	2.000	0,008
3 Phan Ngọc Hiệp	K69/16 Bùi Thị Xuân Sơn Trà – Tp. Đà Nẵng	25.000	0,112
Tổng cộng		81.587	0,33

Tỷ lệ sở hữu cổ phần của các thành viên Ban Giám đốc

Cổ đông	Địa chỉ	Số cổ phần	%
1 Huỳnh Tấn Chung	158 Bạch Đằng – Tp. Đà Nẵng	3.069.383	12,27
2 Nguyễn Đông	Hoà Phước Hoà Vang – Tp. Đà Nẵng	72,762	0,29
3 Nguyễn Tiến Trung	50 Nguyễn Du – Tp. Đà Nẵng	72,762	0,29
4 Quảng Bá Hải	24-26 Paster – Tp. Đà Nẵng	13.000	0,052
Tổng cộng		3.240.210	12,96



HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN KIỂM SOÁT

Hội đồng quản trị

HĐQT gồm 05 thành viên (bổ nhiệm ngày 29/03/2008)

HĐQT đã thực hiện quyền và đầy đủ các nghĩa vụ đối với cổ đông, cơ quan nhà nước, các đối tác, Ban kiểm soát, Ban điều hành theo đúng điều lệ công ty và quy định của pháp luật.

Với biến động của thị trường, hoạt động của HĐQT được tăng số lần họp hội bằng các hình thức khác nhau để đưa ra các quyết định kịp thời nhất định hướng cho Ban điều hành. Các quyết định quan trọng nhất nhằm để bảo toàn vốn: điều chỉnh cơ cấu tổ chức; quyết định các quy chế, chính sách lớn trong toàn bộ hệ thống quản lý chất lượng của Công ty; quyết định các phương án tài trợ vốn đầu tư, chiến thuật bình ổn lợi nhuận trong kinh doanh; quyết định các danh mục đầu tư theo Nghị quyết và theo thẩm quyền được ghi tại điều lệ Công ty; các định hướng về chiến lược phát triển kinh doanh: trồng cây công nghiệp, chế biến khoáng sản, sản xuất vật liệu xây dựng, năng lượng sạch... Thay đổi quy chế giám sát hoạt động của Tổng giám đốc và điều chỉnh một số điểm quan trọng tại quy chế tài chính.

Đánh giá khả năng thực hiện nhiệm vụ của HĐQT: Trong năm 2011, HĐQT đã nghiên cứu đầu tư vào một số hoạt động nhất định nhằm giúp cải thiện kết quả kinh doanh của Công ty, tuy nhiên do cuộc suy thoái và khủng hoảng kinh tế toàn cầu diễn ra nhanh chóng, thị trường giảm sút đã ảnh hưởng trầm trọng đến hoạt động của VHG. HĐQT đánh giá đã không hoàn thành nhiệm vụ, nhận thấy có những chỉ đạo còn hạn chế. Tuy nhiên dựa quan điểm thực hiện nhiệm vụ của mình một cách cẩn trọng, HĐQT cùng Ban điều hành VHG đã đưa ra các quyết định kịp thời, hợp lý nhằm giảm rủi ro cao nhất cho Công ty, cho các cổ đông.

Ban kiểm soát

Hoạt động của Ban kiểm soát ngày càng chuyên nghiệp và có trọng tâm hơn. Trong năm đã tiến hành phân công công việc cho từng thành viên, giám sát và đánh giá các hoạt động chuyên sâu. Ban Kiểm soát đã theo dõi các hoạt động tại từng nhà máy, trao đổi thông tin liên quan đến hoạt động cho HĐQT và các bộ phận trong Công ty. Tuy nhiên, hoạt động của Ban kiểm soát còn hạn chế nhất định, chưa theo kịp tình hình của Công ty và đưa ra những đánh giá kịp thời.

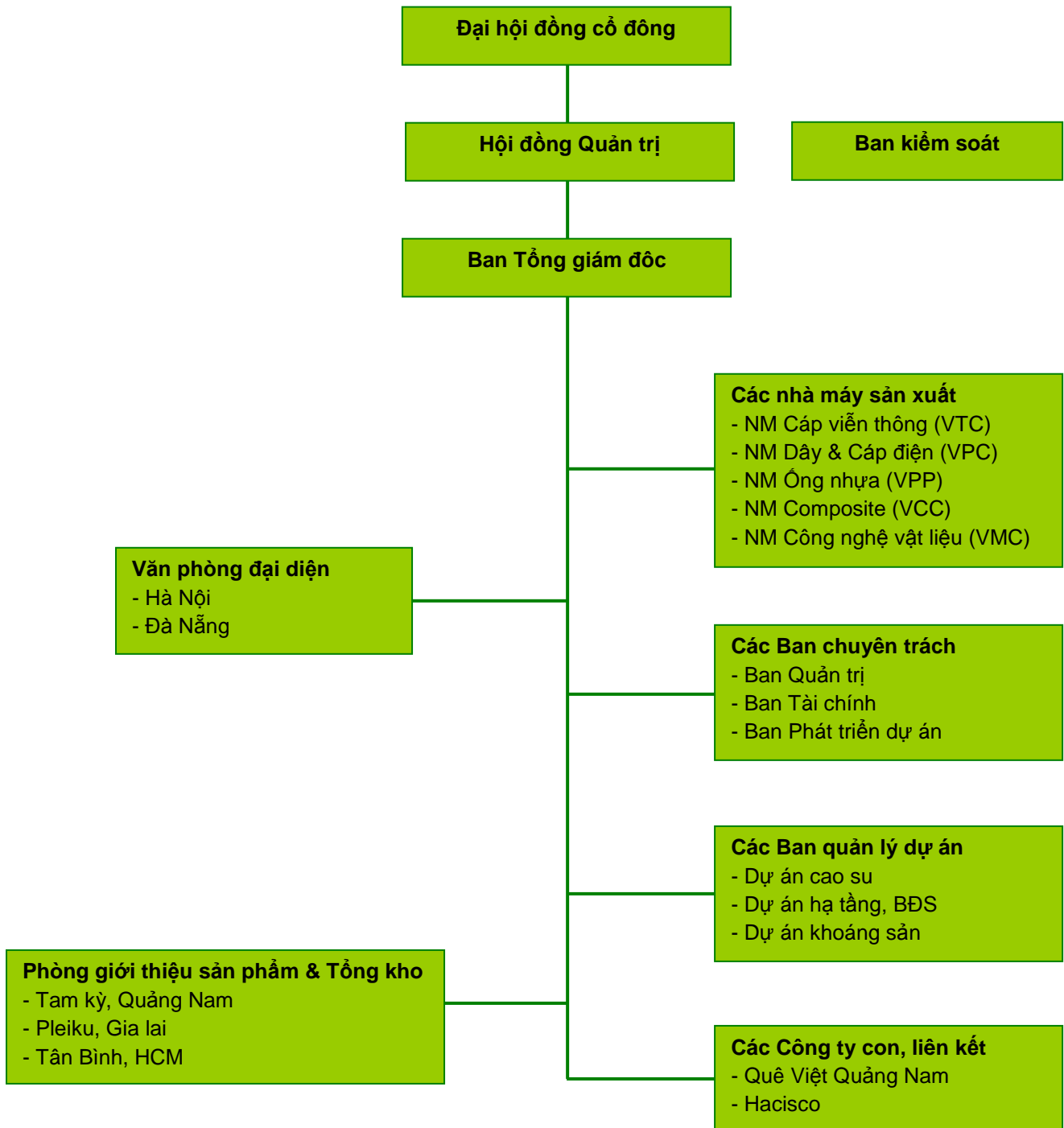
CÔNG TY KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Công ty TNHH Kiểm toán và kế toán AAC (Thành viên quốc tế của Polaris International)

Địa chỉ : 217 Nguyễn Văn Linh – TP. Đà Nẵng
Điện thoại : 84-511-3655886
Fax :84-511-3655887

THÔNG TIN VỀ CÔNG TY VIỆT HÀN

CƠ CẤU TỔ CHỨC



ĐỘI NGŨ QUẢN LÝ



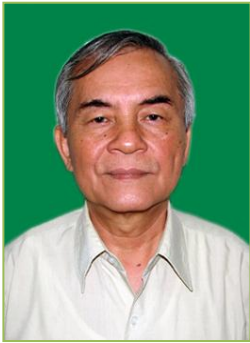
**Ông Đinh Công Trạng - Sinh năm 1963,
Chủ tịch HĐQT**

Ông Trạng là một trong 3 thành viên sáng lập VHG vào năm 2003, ông Đinh Công Trạng là người đề ra những mục tiêu và dẫn dắt VHG phát triển trong những năm qua. Ông Trạng là kỹ sư viễn thông, là nhà quản lý doanh nghiệp thành công trong nhiều lĩnh vực kinh doanh.



**Ông Huỳnh Tấn Chung - Sinh năm 1974,
P.Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc**

Là thành viên sáng lập, ông Chung đã cùng đồng nghiệp xây dựng hệ thống quản trị, duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh của VHG. Ông Chung là cử nhân QTKD, kỹ sư công nghệ Điện tử-viễn thông, là người điều hành doanh nghiệp xây lắp, sản xuất trước khi sáng lập ra VHG.



**Ông Phạm Hữu Xuân
Thành viên HĐQT**

Ông Xuân là cử nhân kinh tế có hơn 40 kinh nghiệm quản lý, Nguyên là Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Xây lắp Bưu Điện Hà Nội.



**Ông Trần Đình hình - Sinh năm 1965,
Thành viên HĐQT**

Ông Chinh có kinh nghiệm làm việc lâu năm trong ngành viễn thông và có uy tín trong lĩnh vực phát triển công nghệ. Ông hiện đảm nhiệm vị trí Phó Tổng giám đốc Công ty QTC chuyên ngành xây lắp viễn thông. Ông Chinh là kỹ sư điện tử viễn thông, từng tham gia các khóa đào tạo nâng cao quản trị điều hành hạ tầng viễn thông.



**Ông Lê Kông Minh - Sinh năm 1977,
Thành viên HĐQT kiêm P.GĐ Ban PTDA**

Ông Minh là chuyên gia trong lĩnh vực quản trị doanh nghiệp, đã kinh qua vị trí Giám đốc đầu tư của VHG và hiện tại là Phó Giám đốc Ban Phát triển dự án. Ông Minh là cử nhân kinh tế ngoại thương và tham gia nhiều khóa đào tạo quản trị doanh nghiệp cao cấp.



**Ông Nguyễn Đông - Sinh 1973,
P.Tổng giám đốc**

Ông Đông là người kiến tạo năng lực tài chính, quản trị và phát triển nguồn lực cho VHG. Ông Đông tốt nghiệp ĐH Kinh tế Đà Nẵng



**Bà Đinh Thị Thuý Hạnh - Sinh năm 1973,
Trưởng Ban Kiểm soát**

Bà Hạnh tốt nghiệp đại học Kinh tế quốc dân, đã tham gia quản lý điều hành các công ty chuyên về thương mại và sản xuất, hiện tại đang phụ trách nhóm hoạt động thương mại của VHG.



**Bà Nguyễn Thị Thu Thảo - Sinh năm 1981,
Kế toán Trưởng**

Bà Thảo tốt nghiệp Đại học Kinh tế Đà Nẵng chuyên ngành Tài chính, là người đã từng giữ vị trí kế toán trưởng trước đây của VHG





**Ông Nguyễn Tiến Trung - Sinh năm 1974,
Giám đốc Phát triển Dự án kiêm Giám đốc
dự án trồng Cao su (VRC)**

Ông Trung là chuyên gia trong lĩnh vực đầu tư, phát triển dự án phi sản xuất, có trên 10 năm kinh nghiệm. Ông Trung tốt nghiệp cử nhân công nghệ thông tin và khoa học ngoại ngữ.



**Ông Quảng Bá Hải - Sinh năm 1973,
Giám đốc Quản trị kiêm Giám đốc Nhà máy
Công Nghệ Vật Liệu (VMC)**

Ông Hải là chuyên gia quản trị tổ chức, cộng tác từ ngày đầu thành lập VHG với các vị trí Giám đốc kinh doanh, Giám đốc nhân sự. Ông Hải tốt nghiệp cử nhân kinh tế và cử nhân luật



**Ông Ngô Hữu Phú - Sinh năm 1973,
Giám đốc Nhà máy cáp viễn thông (VTC)**

Ông Phú là chuyên gia quản lý sản xuất tại các nhà máy công nghiệp khu vực miền Trung, đã qua kinh nghiệm quản lý điều hành các nhà máy sản xuất. Ông Phú là kỹ sư điện động lực



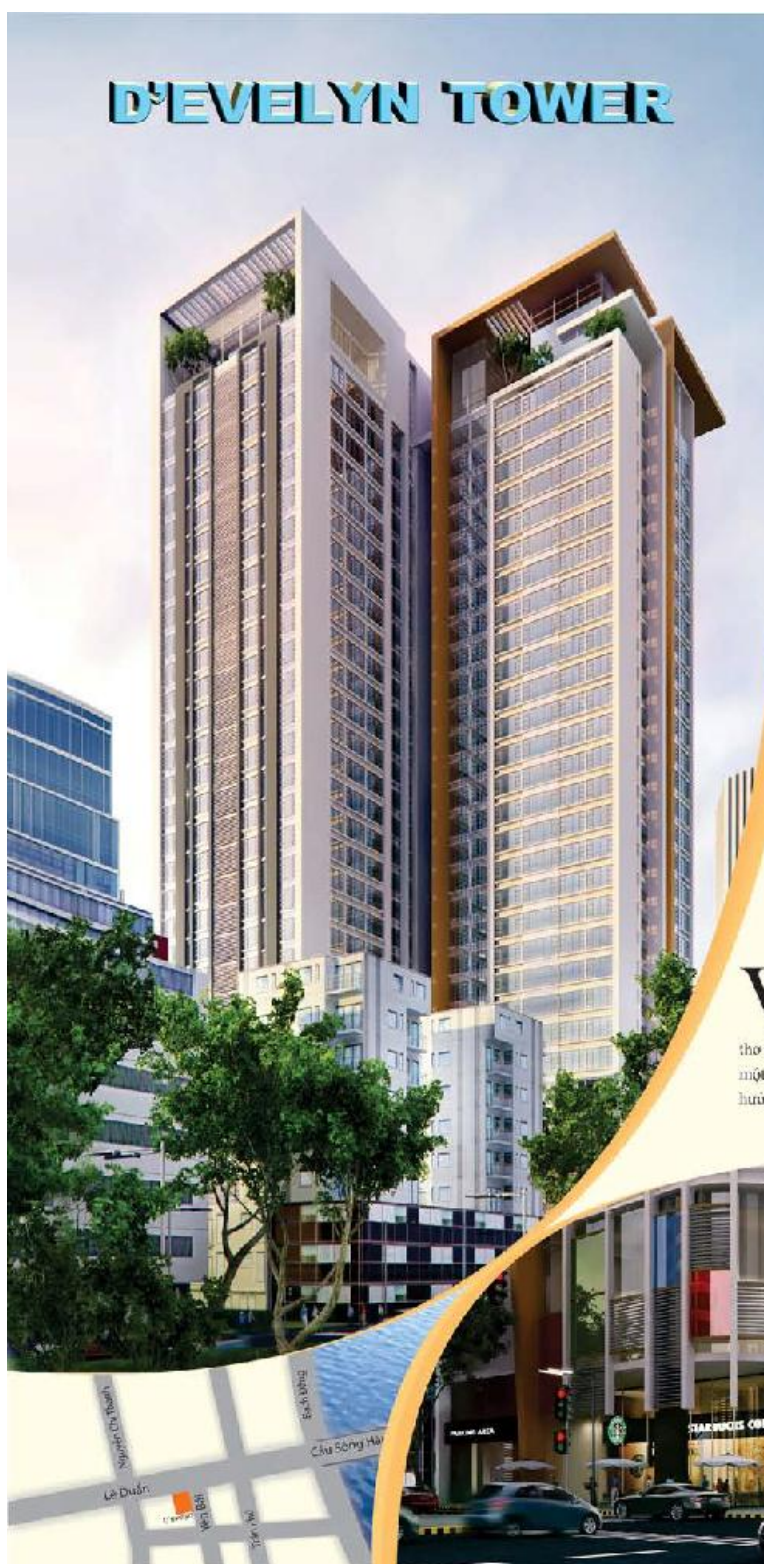
**Ông Phan Ngọc Đồng - Sinh năm 1975,
Giám đốc Nhà máy Composite (VCC)**

Ông Đồng tốt nghiệp Đại học chuyên ngành Điện tử Viễn Thông, nhiều năm kinh nghiệm ở vị trí Giám đốc Kỹ Thuật của VHG.


CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ & SẢN XUẤT VIỆT HÀN

Địa chỉ : Lô 04, 05 - KCN Điện Nam - Điện Ngọc - Quảng Nam
Điện thoại : 84 510 3946 345 Fax : 84 510 3946 333
Email : trade@vhg.com.vn Website : www.vhg.com.vn



Dự án: DEVELYN TOWER



D'EVELYN TOWER



Von mình kiêu hãnh ngay giữa trung tâm Đà Nẵng, D' Evelyn 53 tầng được thiết kế ấn tượng, hòa quyện cùng dòng sông Hàn thơ mộng sẽ là nơi hội tụ đầy đủ những tiêu chuẩn cho một cuộc sống tiện nghi... Hãy khám phá và tận hưởng cuộc sống bất tận cùng D' Evelyn.



- Địa điểm : 09 Lê Duẩn - phường Hải Châu 1- quận Hải Châu - thành phố Đà Nẵng
- Quy mô : 33 tầng và 2 tầng hầm, 72.000 m² sàn
- Tư vấn thiết kế : Liên doanh AWP – ABBO (Singapore)

Dự án: QUÊ VIỆT



- Địa điểm : Điện Ngọc – Quảng Nam
- Quy mô : 53.000 m²
- Tư vấn thiết kế : Senerity (Hà Lan)



Dự án: KHU LIÊN HỢP CÔNG NGHIỆP – DỊCH VỤ & ĐÔ THỊ AN LƯU



- Địa điểm : huyện Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam
- Quy mô : 250ha, giai đoạn 1: 51ha, giai đoạn 2: 200ha



Dự án: CAO SU ĐÔNG GIANG



- Quy mô : Giai đoạn 1: 4.115 ha, giai đoạn 2: 9.100ha
- Thời gian kiến thiết : 2009 - 2016.



NHÀ MÁY CÁP QUANG



- Diện tích : 10.000m²
- Năng lực sản xuất : 300.000 Km sợi/năm

Hình ảnh dây chuyền sản xuất



NHÀ MÁY DÂY VÀ CÁP ĐIỆN



- Diện tích : 25.000m²
- Năng lực sản xuất: 10.000 tấn sản phẩm/năm

Hình ảnh dây chuyền sản xuất



NHÀ MÁY NHỰA



- Diện tích : 10.000m²
- Năng lực sản xuất : 16.000 tấn sản phẩm/năm

Hình ảnh dây chuyền sản xuất



NHÀ MÁY COMPOSITE



- Diện tích : 10.000m²
- Năng lực sản xuất : 16.000 tấn sản phẩm/năm

Hình ảnh dây chuyền sản xuất



NHÀ MÁY CÔNG NGHỆ VẬT LIỆU



- Diện tích : 18 ha
- Năng lực sản xuất : 80 triệu sản phẩm/năm

Hình ảnh dây chuyền sản xuất



CÁC THÀNH TỰU



Top 500 doanh nghiệp tư nhân lớn nhất Việt Nam do Vietnamnet công bố theo thống kê của Việt Nam Report



Hệ thống ISO 9001:2000 do Tổng cục đo lường chất lượng và Trung tâm chứng nhận Quacert đánh giá và cấp chứng nhận phù hợp tiêu chuẩn.



Siêu cúp thương hiệu mạnh và phát triển bền vững năm 2007 do Liên hiệp các Hội Khoa học Kỹ thuật Việt Nam bình chọn.



Cờ thi đua của Chính phủ nước CHXHCN Việt Nam khen tặng Đơn vị dẫn đầu phong trào thi đua năm 2007.



Giải thưởng Sao Vàng Đất Việt 2006, 2007 top 100 thương hiệu Việt Nam do Ủy ban Quốc gia về hợp tác Kinh tế và Hội các nhà doanh nghiệp trẻ Việt Nam bình chọn.



Giải thưởng Quả cầu vàng 2006 do Tổng liên đoàn lao động Việt Nam và Liên hiệp các Hội Khoa học Kỹ thuật Việt Nam bình chọn.



Giải thưởng Chất lượng Việt Nam 2007 do Bộ Khoa Học và Công Nghệ và Hội đồng quốc gia về Giải thưởng Chất lượng Việt Nam bình chọn.



Cup vàng Topen "Sản phẩm thương hiệu Việt uy tín - Chất lượng năm 2006, 2007" do Liên hiệp các Hội sở Khoa học - Kỹ thuật Việt Nam và mạng Thương hiệu Việt bình chọn.



Giải thưởng chất lượng Quốc gia do Bộ Khoa Học và Công Nghệ và Tổng cục tiêu chuẩn đo lường chất lượng Việt Nam bình chọn.

HÌNH ẢNH HOẠT ĐỘNG





CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ SẢN XUẤT VIỆT HÀN

Địa chỉ: Lô 04 KCN Điện Nam - Điện Ngọc, Quảng Nam

Điện thoại: 0510 3946 345 - **Fax:** 0510 3946 333

Website: <http://vhg.com.vn> - **Email:** trade@vhg.com.vn